

Năm thứ hai — Số 54

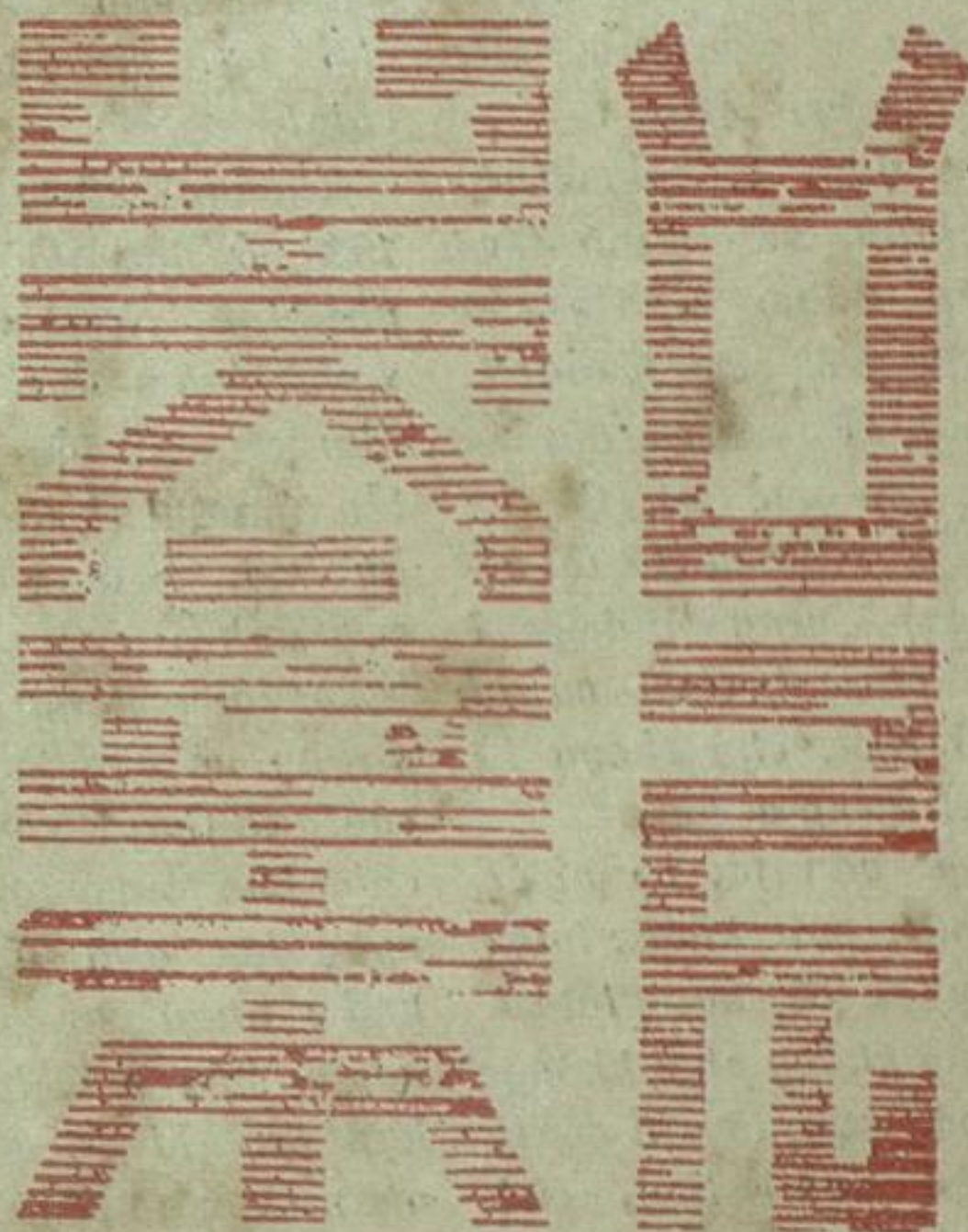
Tuần - lễ từ thứ tư 8

đến thứ ba 14 Juillet 1942

TRi TÀN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội



Trong số này :

Vài cái liệt điểm của một số nhà văn ta — Tra nghĩa chữ nho (VIII) — Giá trị một bản dịch — Những ông nghề triều Lê (XXVII) Tài-liệu đồ dính - chính những bài văn cổ (XXXI) — Ban-mô-thuật (lữ-kế, II) — Mấy lời cuối-cùng cùng ông Việt-Thường — Phê-bình « Hương cổ-nhân » — Thi-nhân với lý-tưởng — Trúc mai sum - họp (III).

GIÁ BAO

Mỗi số 1 năm 8p80
6 tháng 8.50

16 xu 3 — 1.80

Cong số giá gấp đôi

VÀI CÁI LIỆT-ĐIỂM CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN TA

HOA-BÀNG

«**V**ACH do cho người xem lưng»! Văn biết thế. Nhưng chân-lý buộc tôi nay phải nói rõ những điều không muốn nói.

Mấy cái liệt điểm mà tôi bắt đầu dĩ phải kể ra sau đây nó đã thành như một thứ ung độc gieo tai rắc hại trong làng văn, làng báo ta hàng bao lâu nay rồi! Nếu cứ ăn-nhân, không ai chịu đứng lên, mạnh-bạo cắt bỏ ung độc ấy đi thì nó còn lưu tệ mãi mãi, biết đến bao giờ cho khỏi được!

Nói toạc ra đây, tôi chỉ cốt nêu làm bài châm xet mình theo phương-pháp « tam lĩnh » của thầy Tăng-tử, một nhà hiền-triết đông-phương, đề : « Hữu, tắc cải chi ; vô, tắc gia miễn ». (Có thể thì sửa đổi đi ; không thể thì cố gắng thêm lên) Những liệt điểm sẽ kể đây chỉ là cử lệ đó thôi, và chỉ phẩm chỉ đó thôi, chứ không hề có ý công-kích riêng ai hết.

Trong làng văn ta, cổ nhiên cũng như nhiều giới khác : hạng chắc có, hạng tạp có, hạng tốt có, hạng xấu cũng không phải không. Nên trong bài này, tôi chỉ nói là « một số nhà văn » thôi, chứ không dám vơ đũa cả nắm.

Cứ như tôi đã nhận xét, thì số người ấy, vì có những liệt-diểm sau này, không sao tấn-tới lên được. Vả, họ làm loạn tai mắt thiên-hạ khiến người ta có khi làm vàng với than, hột chai với mắt cá. Vậy, đứng lên bài-trừ cái nạn ấy, tưởng cũng không phải là một việc không cần kíp trong lúc này.

..

1. Phê-bình lẫn nhau để tăng-bớt lẫn nhau. — Muốn

cho người ngoài phải chú ý đến mình, nhưng ban đầu người ta không chịu làm việc với kiên-nhẫn, với lạng-lẽ, chỉ những lăm-le chực giết lấy « cây gậy Thống-chế » trong làng văn, để bước lên tòa lâu đài hư danh, hồng khoe-khoang lỏ-loẹt với bà con bạn hữu!

Vì ý nghĩ bất chính như thế, nên lắm người đã tìm hết những phương-pháp bất-chính để làm cho kỳ đạt cái mục-đích bất chính.

Khoảng những năm 1934, 1935, 1936, ở đây nổi lên phong-trào phê-bình. Người ta khoác bộ áo « phê-bình » để thực hành cái dã-tâm tăng-bớt lẫn nhau, quảng-cáo lẫn nhau. Anh Giáp viết đến mấy kỳ báo, ca-tụng văn-nghệ (!) của anh Ất ; rồi anh Ất, đề « thết lại », lại viết hàng mớ bài tán-dương về văn-tài, về tác-phẩm của anh Giáp. Nhưng bạn đọc giá chịu khó tò-mò đôi chút, sẽ biết rõ ngay hai anh ấy là bạn « nổi khổ » nhau, họ vì muốn « đẩy non », nên mới lợi-dụng tờ báo làm lợi khi đề công-kêng lẫn nhau lên chín tầng mây biếc như thế.

Đáng tức cười hơn nữa : cùng trong một tòa soạn, cùng trong một đoàn văn, họ lại giữ ngón quá « chướng » là phê-bình tác-phẩm của nhau với một giọng khen-ngợi hết lời, hoan-hô nhiệt-liệt!

2. Tự khen mình bằng cách đội một tên khác hoặc bênh-vực mình bằng cách kéo bạn đến « đánh hơi ». — Nay cũng như trước, lắm người

có những hành - vi rất khả-bĩ : Ra một cuốn sách hay một tập thơ, họ muốn làm cho sôi - nổi dư - luận, họ hết sức bới đào trong óc cố kiếm lấy một « thuật » chực làm cho sách chạy...

Có khi họ nói dựng đứng hay mọc xưng lên rằng một nhà tai to mặt lớn nào đó đang đầu đơn kiện họ về việc họ đã có can-đảm nói rõ sự-thực giữa ông thân nhà ấy và vai chủ động trong sách kia ..

Tin vịt ấy phao ra quả có công-hiệu trong nhất thời : dư-luận phải chú ý đến, báo-giới phải bàn tán đến, có khi phóng-viên nhà báo phải thân đến tận người được bầu làm « nguyên đơn » để hỏi rõ công-chuyện. Té ra đó chỉ là một « thuật » của tác-giả sách ấy muốn « câu » độc-giả trong khi người ngoài đương lạng-lẽ làm thinh...

Nhưng cái « thuật » đó còn có thể tha-thứ được, vì đó chỉ là một ngón ranh-mãnh vô-hại, chứ đến những cái dụng tâm của hạng người sau đây mới rất đáng kết án :

Mấy hôm trước, nhà báo vừa nhận được một tập thơ rất soàng gửi tặng. Thì nay lại tiếp luôn được một tên kỳ khác với tự-dạng khác gửi đến một bài phê-bình tập thơ ấy.

Họ viết khôn-khéo lắm : Tỉ-mỷ kỹ-càng lấy ra từng chữ, trích lấy từng câu với một giọng phê-bình không quá tăng-bớt nhưng rất đậm-đà niềm-nở. Cuối bài, bình-giả lại tỏ ra rất « lâu » ở chỗ : không quên chê khéo một vài lời trong tập thơ ấy, nhưng viết ra một cách vô hại dưới ngòi bút phơn-phớt, nhẹ-nhàng.

Dầu sao, hạng này cũng đáng khẹp vào tội « lừa-gạt »!

Nhẹ tội hơn hạng trên, có kẻ, sau khi sách ra, lại « vận-động » với những cây bút có tiếng viết bài phê-bình sách mình bằng một thứ cảm tình rất nồng-nàn đậm-thắm. Ấy là tôi không muốn kể đến một hạng con buôn « hối-lộ » kẻ phê-bình bất chính để làm quảng-cáo rẻ tiền cho sách mình

Một cái khốn-nạn nữa : có kẻ bị người ta công-kích một tác-phẩm mình, cuống lên, vội đi tìm người cứu-viện. Đó vì họ thấy mình không đủ sức tự vệ, nên mới lật-đật đi nhờ bạn hữu oùng vác « khi-giới » bằng ngòi bút đứng bên « hàng-ngũ » mình, làm công việc « đánh hơi ». Đó vì họ tưởng một mình thế cô, không chống đỡ nổi những đòn nặng của bên địch, nên mới vội kéo người khác vào cánh mình, đứng sau làm hậu-thuần để cho lực-lượng mình thêm mạnh. Nhưng có biết đâu hành-động ấy chỉ tỏ mình là một cây bút vô lực, bất tài!

3. Trích lấy ít lời khen trong thư riêng hoặc trong bài phê-bình làm bùa hộ thân. — Người yếu bóng vía thường tìm kế hộ thân bằng những lá dẫu. Nhà mới của gia-đình mới lớn thường cầu bình-an trong lá bùa trấn chạch. Không ngờ trong làng văn cũng có kẻ chung một tâm-lý ấy!

Đề quảng-cáo cho sách họ, họ trích lấy ít lời trong những bức phúc thư của một vài bậc đàn anh trong văn-học-giới. Làm vậy, họ cho là đắc sách lắm vì tưởng đã ăn-nấu được yên ổn — có khi còn

nổi danh là khác nữa — sau những lá bùa hộ thân! Nhưng nào có hay đó chính là những nhược-diểm, những vụng-về của họ. Vì ai chẳng biết thư từ trên trường giao-lễ bao giờ cũng nhuộm đậm một màu « ngoại giao »! Nếu nhận làm những lời khuyên-khích làm lời « ca-tụng », họa chăng chỉ có những người thiếu trí suy-xét, hay quá hơn nữa, hạng con nít mới lên ba!

Có kẻ lại hay rao lớn cho mọi người phải để ý đến tác-phẩm mình : thường trích lấy ít lời trong một bài phê-bình của cây bút đứng-đắn để làm quảng-cáo. Cái lối này ta thường thấy rất thông hành trong ít lâu nay.

Phải, trong một bài phê bình dù có tính cách bất bẻ nghiêm-khắc đến đâu, làm gì cũng chẳng có được lấy mấy câu ngọt ngào khuyến-khích hoặc ve-vuốt yên-ủi, hoặc niềm-nở vô-về... Nắm được những chỗ ấy, họ khôn-ngoaan lợi-dụng ngay : trích lấy ít lời khen ấy làm bùa hộ mệnh. Nhưng, rút cục, lối quảng-cáo khôn-khéo đó chỉ như cái thùng vắn không sao úp kín những chỗ hỏng, chỗ dở của « con voi »!

4. Nhờ người có tiếng để tựa đề năm làm « cây gậy » cho cuốn sách mình. — Chẳng những bấy giờ, cả từ ngày xưa cũng vậy, nhiều người thường có óc ỷ-lại, không lo tự-lập, chỉ chực mượn nhờ « bóng vía » của người có danh-vọng hoặc có thế-lực, để làm « cây gậy » cho mình nắm chắc đi vào làng văn...

Vừa thoát mở cuốn « An-nam chí lược » của Lê Đức, tôi

phải bực mình ngay vì thấy ở đầu sách đã in đến hàng ngót chục bài tựa của các ông tâu! Những bài ấy tuyên một tính-cách hoặc giới-thiệu hoặc tán-dương người viết sách!

Có cần chi phải thế! Nếu cuốn sách mình có giá-trị? Thì sự-thực trong đó nó sẽ trả lời. Nếu sách không ra gì? Thì dù núp sau hàng vạn bài tựa của những người có thế-lực đến đâu cũng quyết không thể đứng làm thầy cãi mà bảo-chừa che-chở nổi những chỗ dở, những cái vụng và những điểm sai lầm của mình được

Nhiều tác-giả thường có cái tâm lý như một cô dâu : bên-lên, ngộp ngừng, chỉ muốn đi sát vào giữa những cô phù dâu để chực nhờ họ làm những cái mợ che đỡ những khóe mắt nhìn chòng-chọc của kẻ khác. Nhưng nếu có dâu quả thực xấu người, thì dù các bạn phù dâu có đẹp như tiên sa đi nữa cũng không sao ngăn được nổi những cái bâu môi trề mồm của đám người đứng xem.

Lắm người không có tinh-thần tự lập, tưởng những lời tựa của ngòi danh bút tất có ảnh-hưởng tốt đến tác-phẩm mình, nên họ thường cố cầu-cạnh nhờ mượn người đẹp đi phù dâu để đưa « cô-dâu » về nhà chồng!

Làm vậy, tôi tưởng chỉ là một lối tỏ ra giàu tình ỷ-lại.

Trong những lời quảng-cáo sách mới xuất bản, người ta thường không quên rao : có tựa của ông kia, ngài nọ .. Nếu mấy giọng ấy lọt đến mắt hạng người có óc phán đoán, chắc người ta sẽ phải nhích mép cười! « Làm gì mà to chuyện thế! Thời đang vạc ông

nọ, lời ngài kia ra lòi chúng tôi, vì chúng tôi chỉ thờ chân lý. Nếu ông nọ ngài kia mà viết dở, cũng còn khó tránh khỏi búa rìu của nhà phê bình chân - chính thay, lọ là còn cứu chữa nổi ai được ? »

5. Cổ-ý mặt - sát người khác, mong chiếm độc quyền những tiếng khen-tặng. — Cái danh chân chính bao giờ cũng vẫn là cái danh đáng trọng. Cuộc đời sở dĩ tiến-hóa, một nước sở dĩ sống còn, là nhờ ở tâm lý người ta biết trọng cái danh chân chính. Đến cái phù danh, trước cặp mắt đạt quan, chỉ là một mảnh mây trôi, một cái bong bóng sà phòng ồng ánh !

Ấy thế mà lắm kẻ, chỉ vì hám cái phù danh, đang tâm lè gót giầy lên trên tình bạn hữu, hạ chân lý xuống tận bùn đen. Tưởng mình như thánh, như thần, còn ngoài ra, nhất là những địch thủ trong làng văn, làng báo, theo họ, toàn là « đàn chim chưa vỡ bọng » cả !

Chưa đọc hết, có khi không thèm xem qua, một bài văn của người khác, họ đã dài mồm chê bai ! Chưa mở lấy một trang sách, chưa rờ đến một tờ báo của bạn đồng-nghiep, họ đã in trí là viết không thành câu, và hơn nữa, hạ ngay những lời mặt - sát thậm tệ !

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0\$35 cước 0\$06

Gửi bằng tem (có) cũng được.
Không gửi lối bình hóa giao ngân

Trong khi tiếp khách nói chuyện, họ không nhớ rằng « cái tôi là cái đáng ghét », song chỉ hết sức khoe-khoang về mình ; còn những người khác dù đã lập được biết bao « chiến-công » rực-rỡ trên trận bút trường văn, cũng chỉ đáng một con « số không », theo ý họ !

Trong tập Trung-quốc hồn, nhà học-giả Lương Khải-Siêu có chia người Tàu làm nhiều phái, tôi thấy tựu-trang có phái « tiểu-mạ » là giống hạng người trên đây.

Nhìn mọi vật bằng cặp kính xanh, phái « tiểu-mạ » này thấy vật gì cũng là xanh cả. Họ có những thành-kiến rất kỳ-cục ! Họ ôm những ý kiêu-ngạo vô lượng, vô biên ! Không bao giờ họ chịu nhớ đến câu : « Yêu đầy nhưng vẫn biết cái xấu, ghét đầy nhưng vẫn biết cái tốt của người khác ».

6. Không biết vạch riêng đường đi, chỉ hay ùa-ạt theo mù. — Trong làng văn, làng báo ta, cũng như nhiều giới khác, phần đông kém trí phán-đoán, thường hay nhắm mắt theo người. Nhưng cái bệnh ấy, không phải bây giờ mới phát, mà có lẽ nó là một chứng-di-truyền từ mấy nghìn năm đã ăn sâu vào mạch máu nhiều người !

Xưa học chữ Hán, người ta không dám nói khác với những kiến-giải của tiên nho, không dám đi trật ra ngoài khuôn sáo của « tiền hiền », người ta cầm đầu nhai lại những « bã-rã » của cổ nhân mà không nhớ đến thời-gian nữa !

Còn nay ? Cũng không khỏi sa vào cái vòng luẩn-quẩn ! Xếp đặt một tờ báo ? Người ta muốn theo cho được giống hệt hình-thức một tờ báo tây. Viết câu văn quốc-ngữ ? Người ta, từ cách dùng chữ đến lối đặt câu, làm như dịch theo nguyên-văn của người

ngoại-quốc !

Hồi 1926-1929, thấy một vài tờ báo, một vài cuốn sách đeo cái lá nhãn « ái-quốc », người ta cũng ùa-ạt đồ xô làm « nghề buôn » ấy : lúc nào cũng « đạo-mạo » nói ra những lời hô-hào cồ-động, những giọng hăng-hái nhiệt-thành. Nhưng, « cạn ao, bèo đến đất », những thứ văn tự mạng là « đầy tâm-huyết » ấy chỉ là một lối đầu cơ kiếm lời.

Từ năm 1933 trở đi, có một tờ báo khôi-hài ra đời, được công-chúng hoan-ngheh. Thế rồi nhiều báo theo sau, tranh « hít bã mĩa », gây thành cái phong-trào « son trẻ » đầu độc đến tận xương-tủy nam nữ thanh niên

Hoàng Tích-Chu xuống lên lối văn cộc lốc, tuy đi cực-đoan nhưng không phải không có ảnh hưởng đến làng báo ta. Nhiều bạn đồng-nghiep từ đó đua theo, chắc được những tiếng phê-bình rất mai-mĩa : « Đồ-đệ của lối văn nhảm-nhăng cần giống một ! »

Thiếu óc tự lập, người ta cam tâm làm đàn cừu của chàng Panurge ! Vì thế tiếng khen lời chê của họ thường không được người đời đếm xỉa đến. Thấy người ta khen, họ cũng nhắm mắt khen mò ! Thấy người ta chê, họ cũng ùa-ạt chê lều chê lĩnh ! Thực ra họ chẳng có kiến thức và thủ đoạn gì cả !

Một người có tư-tưởng độc-lập bao giờ cũng có hoài bão riêng, chủ-trương riêng, mong gây thành một tông-phái đặc-biệt, không giẫm lên vết chân của người khác đã đi.

Văn ta nhiều sáo, nước ta không có học-thuyết, không có thi tông, không có tư-tưởng sáng chế, chính vì phần đông quá giàu cái tính nô-lệ...

7. Không biết phục thiện, không trung-thực với

Xem tiếp trang 21

Tri-Tân đọc thơ

« HƯƠNG CỔ NHÂN »

của Nguyễn Bình

PHẠM MẠNH-PHAN viết

IT LÂU nay trong làng « thơ mới » của nước ta đã sản xuất ra được một số thi-sĩ khá đông.

Ngoài những tên đã từng quen biết như Thế-Lữ, Trọng-Lư, Huy-Tông, Huy-Cận vân vân, một số những người khác chỉ vào hạng « thợ thơ » (versificateur) nhưng cũng lắm-le ôm mộng lớn muốn người ta liệt tên mình vào hạng « thi bá » !

Làm được vài bài thơ, xuất bản được đôi ba tập thơ trong đó chỉ tuyển những câu gò-gẫm, những vần ép-uồng một cách ngượng nghịu, đầu đã đáng lĩnh chức thi nhân mà người đời trao tặng.

Hôm nay tôi giới-thiệu với bạn đọc, ông Nguyễn Bình, tác-giả tập thơ « Hương cổ nhân », rồi các bạn sẽ định giá-trị thơ ông.

Ông Nguyễn Bình không phải là một tên dân mới trong làng ngâm-vịnh. Vì tập thơ này không phải là tập thơ đầu. Nó ra sau hai cuốn « Lỡ bước sang ngang » và « Tâm hồn tôi ».

Những câu thơ đẹp

Thoạt mới giờ tập thơ ta thấy ngay hai câu thơ in riêng một trang, nhường như tác-giả có ý nêu lên làm đích cho những trang sau :

« Xây bao nhiêu mộng thế mà
Đến nay phải gọi người là cổ-nhân ! »

Chưa cần đọc toàn tập, ta cũng đoán thi-sĩ Nguyễn Bình sẽ nói những gì ?

Phải chăng thi-sĩ trong tuổi diện linh đã từng phen gặp gỡ một

giai nhân, một giai nhân mà một khóe mắt cũng đủ nghiêng lệch một tâm-hồn, một cái cười nụ cũng đủ làm đổ vỡ một cái gì ấy ?

Thi-sĩ đã từng sống trong những giờ khắc mê-ly, tâm-hồn đã từng dào-dạt vì yêu, vì nhớ. Và, trong mộng đẹp, ái-ân đã từng xây-dựng những lâu-đài đồ-sộ nguy-nga.

Thế mà đến nay người yêu đã nở hững-hờ để cho ai luống ngậm-ngùi, phải cùng nàng Thơ than-thở ! Và thôi, từ đây biết bao mộng đẹp đành phải để chúng lắng trong mơ mà trái tim mang vết ấu nhờ ngày tháng gần hàn !

Đọc « Hương cổ nhân », ta thấy thi-sĩ Nguyễn-Bình là người đa cảm, mảnh hồn trong-trẻo của tuổi anh-niên đã sớm thả theo luồng gió ái-ân mà nên câu tuyệt diệu :

« Con tâm là lục ba sinh

« Mà em là lục của anh muốn đời ».

Thi-sĩ là người thế nào mà đã trót vì yêu đương mang « lục » vào mình ? Ta hãy nghe mấy lời thành-thật và thắm-thía của thi-sĩ đã nói về gia-cảnh mình :

« Thầy tôi dạy học chữ nho,

« Dạy dăm ba đứa học trò loanh quanh.

« Có gì tiếng cả nhà thanh :

« Com ăn đủ bữa do lành đủ thay,

« Còn tôi sống sót là may,

« Mẹ hiền mất sớm, giờ đây làm thơ »

(Nhâm)

Thì ra thi-sĩ đã vắng tiếng mẹ những ngày còn trứng nước và đã không được ấp ủ yêu đương trong khi chung sống với một em :

« Em tôi là gái mười lăm,

« Quét sân, chạy chợ, chần tằm
sớm trưa »

và với một chị gái đã từng « lỡ bước sang ngang » :

« Chị tôi sống nước con thuyền

« Oan không phải chuyển cho
duyên trái mùa »

« Chị tôi dài những mùa đông... »

« Se tơ nước mắt, dệt khung cửi
sân !

(Tinh tôi)

Biết cảnh nhà thanh-bạch, nên thi-sĩ đã phải ngượng với người yêu nếu mộng đẹp cùng ai xây tổ uyên-ương thành sự thực :

« Nàng mà làm dĩa nhà tôi

« Vườn giầu nó thẹn với dốt tay
ngà »

(Nhâm)

Người yêu chẳng phải ai đâu xa lạ, chính là người bạn học của thi-sĩ, những ngày thơ ấu :

« Học trò trường Huyện ngày năm
ấy,

« Anh tuổi bằng em, lớp tuổi thơ,

« Những buổi học về không có nón,

« Đội đầu chung một lá xen tơ !

Thật là một cảnh nên thơ của đôi trẻ mà trong tình bẽ bạn ngày - thơ nhường như thấy chớm nở một tình yêu dăm-thắm, vì :

« Lá xen vương phần hương xen
ngát

« Ấp-ủ hai ta, chát nhụy hờ.

« Lũ bướm tưởng hòa gài mái tóc

« Theo về tận cổng mới tan mơ »

(Bướm bướm ngày xưa)

Cái mộng đẹp ấy, người trong cuộc tưởng rồi sau cũng cùng ai trăm năm trọn kiếp, vui hưởng thú ái-ân ; vì đã cùng nhau như nàng Kiều với chàng Kim nặng lời thề thốt :

Xem tiếp trang 17

GIÁ-TRỊ MỘT BẢN DỊCH

KIỀU THANH-QUÊ

GÉRARD DE NERVAL mới hai mươi tuổi diễn Pháp văn xong vở kịch *Faust* của Goethe, thi-hào Đức, viết hồi năm thi-hào băm ba tuổi xuân.

Nhiều năm sau khi Goethe qua đời, Nerval tiếp được của một người không quen biết ở nước Đức gửi sang cho chàng một bức thư của Goethe viết khen tặng chàng. Bức thư ấy, người nặc danh kia rút trong quyển *Những cuộc hội-kiến với Goethe trong các năm sau-cùng của đời ông*, do Jean Pierre Eckermann biên-tập bằng tiếng Đức, xuất bản vào năm 1838.

Bức thư ấy của Goethe đề ngày chủ nhật 3 Janvier 1830. Người bạn không quen biết lại có nhã ý diễn nó ra Pháp văn, khi gửi cho Nerval.

Ở bài tựa kỳ xuất bản lần thứ tư bản dịch vở kịch *Faust*, Nerval có chép bản Pháp-văn bức thư ấy của người bạn ẩn-danh; trong đó, ta đọc được mấy lời khen tặng Nerval này của Goethe:

« Tôi không còn thích đọc kịch *Faust* bằng tiếng Đức nữa; mà, trong bản Pháp văn ấy, tất cả đều hoạt-dộng lại với vẻ tươi sáng và nhanh - nhẹn... Kịch *Faust* đầu sao cũng là một cái gì hoàn-toàn vô-lượng vô-biên, và tất cả xu hướng làm cho nó thích hợp bằng lý-trí (thông-minh) đều vô-ích. Người ta tưởng cũng không nên quên rằng đoạn thứ nhất của bài thơ đã thoát ra khỏi một trạng-thái hoàn-toàn đen-tối (lộn-xộn) của cá-nhân; nhưng lại chính sự đen-tối ấy nó đánh thức lòng

hiếu kỳ của người ta, và chính vì thế mà người ta quan-thiết đến nó như bao nhiêu vấn-đề khó giải - quyết » (« Je n'aime plus lire le *Faust* en allemand; mais, dans cette traduction française, tout agit de nouveau avec fraîcheur et vivacité... Le *Faust*, pourtant, est quelque chose de tout à fait incommensurable et toutes les tentatives de l'approprier à la raison (l'intelligence) sont vaines. L'on ne doit pas oublier non plus que la première partie du poème est sortie d'un état tout à fait obscur (confus) de l'individu; mais c'est précisément cette obscurité qui éveille la curiosité des hommes, et c'est ainsi qu'ils s'en préoccupent comme de tout problème insoluble »).

Một bản dịch được tác-giả thành thật và hết lời khen tặng như bản Pháp-văn kịch *Faust*, thật là một sự hãn hữu!

Vinh-hạnh thay cho Gérard de Nerval, nhà dịch sách trẻ tuổi tài-hoa của nước Pháp!

Trông người, lại soi đến ta: nào xứ ta từ xưa đến nay đã có nhà dịch sách nào được cái hân-hạnh của Gérard de Nerval?

Buồn thay cho câu trả lời, trước sự thật: — Thưa chưa hề có!

Thật vậy, chưa hề có một bản quốc-văn nào được tác-giả khen tặng. Vì hiếm hoi thay những ông văn sĩ Âu-lây biết đọc văn quốc-ngữ ta để có thể phê-phán, như Goethe phê-phán Nerval. Còn những tác giả của các bộ sách Hán-văn được diễn quốc âm thì lại chết tự tám mươi

đời vương (!), còn dẫu mà hòng phê với phán?

Thế nên, dịch-giả xứ ta cũng đừng nên buồn vì chẳng bao giờ được cái hân-hạnh của Gérard de Nerval.

Và giá-trị của một bản dịch ở xứ ta, thưa bạn đọc, cũng chẳng phải là không có.

Hồi *Nam Phong tạp-chí* còn, ông Phạm Quỳnh có dịch nhiều truyện ngắn giá-trị của Pháp đem đăng tải. Lỗi dịch của Phạm tiên-sinh rất lưu-loát: dùng những danh-từ an-nam trăm phần trăm để dịch những đoạn văn tả cảnh của người Pháp, khiến độc-giả cứ tưởng đó là một câu « văn Phạm Quỳnh », chứ chẳng phải một câu văn dịch. Ví thử đọc những câu này của Phạm tiên-sinh: « Cảnh sông con thì thanh-thú thật, nhưng là cái cảnh lưu thủy hành vân, đi luôn chảy luôn, không cầm lại được », thì ai còn tưởng là văn dịch được? Văn dịch của ông Phạm Quỳnh càng khó nhận ra ở đoạn sau này vì dịch-giả dùng lối ăn nói của một tên bợm An-nam để dịch ngôn ngữ của một tên bợm Pháp! « Bạn tôi là bác Cồ-Đô, chúng tôi thường gọi đùa là anh Cồ béo, vì bác ta to lớn phục phịch, nói to như người tức giận! »

« — À! phải, tuổi thiếu niên đại thật là đại vô ngần! Thật các anh ạ! ngày nay có lúc hồi tưởng đến thuở trước mà tôi đỏ mặt lên, tức mình, giận mình làm sao mà khờ dại đến nước ấy, làm sao mà si ngốc đến bậc ấy, làm sao mà ngờ nghệch một cách thảm hại đến thế! Chà!

chà ! bây giờ mà lại phải thế nữa... » (trích truyện : *Ôi ! thiếu niên*).

Người dẫn quốc âm bộ trường thiên tiểu thuyết *Những kẻ khốn nạn* của Victor Hugo, ông Nguyễn văn-Vĩnh, cũng có lắm đoạn văn dịch thần-tinh. Đoạn dịch về cát sứt (*l'enlissement*) trong *Những kẻ khốn-nạn* của Nguyễn tiên-sinh đã có lần khiến chúng tôi đọc mà hồi-hộp và cảm-động chẳng kém như mọi khi chúng tôi thưởng-thức nguyên-tác của Victor Hugo :

« Những vùng bờ biển xứ Bretagne, xứ Ecosse, khách bộ-hành và người đi đánh cá, thừa khi nước triều cạn mà đi ngoài bãi biển, ra xa bờ quá thì, bỗng hay gặp những nơi khó bước. Bãi cát dưới chân hình như lầy-nhầy, để giầy dính xuống, không phải là cát nữa, là nhựa. Bãi cát thì thật khô, nhưng mỗi bước chân hồ nhắc để giầy lên lại thấy dấu giầy hóa ra vũng nước....

« Người cứ việc đi, cứ thẳng trước mặt mà đi lằng dằng vào trong bờ. Không lo sợ gì cả. Vả sợ gì ? Duy nghe chân bước thấy mỗi ngày một nặng. Rồi thỉnh-linh thụt. Thụt xuống chừng hai ba tấc. Quyết là đi lạc mất đường tốt rồi. Đứng lại để tìm phương - hướng. Bỗng nhìn xuống chân thì thấy chân đã thụt sâu rồi. Cát tràn kín rồi. Rút chân lên muốn đi lộn trở lại, quay lưng trở về thì lại thấy thụt sâu nữa. Cát lên đến mắt cá, cổ rút chân lên mà bước sang tay trái, thấy cát lại lên đến nửa ống chân ; lại bước sang tay phải, lại thấy cát lên đến bụng chân. Bây giờ mới hoảng lên mà nhận ra rằng đã sa chân vào nơi cát trụt, thụt đắm lên mà nhận ra rằng đã lún vào một chỗ mà

người không thể đi, cá không thể lội. Trên mình có mang cái gì cũng ném đi, như một chiếc tàu sắp đắm, họa may có nhẹ bớt chút nào, nhưng cũng đã chậm quá mất rồi, cát đã lên khỏi đầu gối.... »

Nghệ-thuật dịch văn của hai ông Nguyễn văn-Vĩnh và Phạm Quỳnh ? Giá-trị cũng có, công-phu cũng có, lựa-loát cũng có, phổ-cập cũng có ; nhưng nếu đem đối-chiếu với nguyên-tác, ta thấy nó thường không qui theo nguyên-tác phiên-dịch của Âu tây một cách chặt-chẽ : hoặc mạch văn của nguyên-tác đi một đường thì nó lại đi một ngã ; hoặc có đoạn nó chỉ thoát ý nguyên-tác thôi, chứ chẳng dịch đúng theo nguyên-văn. Chúng tôi xin miễn kể dẫn ra đây. Độc-giả hiểu kỹ một chút sẽ thấy rõ ngay.

Đã đành rằng « bản dịch phải làm nổi sự sống. Hay nói khác, phải sao cho người dịch, vì dầu ông ta có vì đó cần đi xa nguyên tác một chút, khiến kẻ đồng thời cảm thấy được sức mạnh của những tình cảm nó làm sống các nhân-vật quyền truyện hay là nó kích-thích ngay tác-giả quyền truyện khi ông bắt các nhân-vật của ông nói chuyện hay hành động.... Tất cả điều ấy muốn cho ở người dịch không phải một công việc chuyển vị các tiếng như máy, theo rất nó-lệ mạch văn các câu, mà quả là một tác công-trình cải-tạo những tình cảm sống hay truyền ra bởi một cổ nhân, một công-trình cải - tạo, trong khuôn-khổ của chính xã-hội của dịch-giả, những tình cảm đã sống trong một xã-hội khác bởi một người khác. Công-trình cải-tạo ấy lẽ tất nhiên dung-nạp một phần lớn sự giải-thích riêng của mình, sự thấu-triệt hoàn-toàn

tâm-lý người đọc và tâm-lý tác-giả được dịch. Trong hai tâm-lý ấy, đối với chúng tôi dường như dịch-giả rất nên tìm lấy cái tâm-lý quan-trọng nhất của các độc-giả mình ; chính trên tâm-lý ấy người dịch phải dựa vào để giải-thích, canh-cải các tình-cảm của quá-khứ nó không còn tìm thấy ngày nay những cái tương - tự với nó trên đời (1) » ;

Nhưng « một bản dịch phải đầu là người thật, nó chỉ là một bức chân dung thôi : một ông thầy tên tuổi có thể họa nên một bức chân dung tuyệt-mỹ : đành rằng như vậy ; nhưng nếu bản chân được đặt gần bản sao lại, những người xem sẽ thấy nó mỗi người theo cách mình và khác hẳn nhau về phê-phán đối với sự giống. Phiên-dịch, chính là tận tụy với cái nghề bạc-bẽo nhất và không bao giờ được thêm muốn dầu rằng ít nhất ; là đánh giặc với các chữ, đặng khiến trả lại cho các chữ ấy, bằng một thổ-ngữ lạ, một tình cảm, một tư-tưởng biểu-niệm cách khác, một âm thanh mà các chữ ấy không có trong tiếng mẹ đẻ của tác-giả ..

« Xin người ta đừng nghĩ theo đây rằng tôi đã chẳng có đặt một ý-chí nào vào công-việc của tôi : tôi có thể bảo rằng công-việc : ấy là tác-phẩm trọn đủ của đời tôi, bởi đã ba mươi năm rồi tôi đọc đi đọc lại và dịch *Millon* (2) Tôi biết trọng công chúng : công chúng muốn đối-đãi với anh không ra làm sao, nhưng lại không có phép cho anh được đối với công-chúng bằng sự tự-do ấy ; nếu anh không buồn nghĩ đến công - chúng, công-chúng càng nghĩ đến anh ít hơn thế nữa...

« Sự dịch nguyên-văn đối với tôi bao giờ cũng có vẻ hay như là một bản văn dịch vừa thuật lại

là sự hoàn-mỹ của thể văn dịch, nếu người ta có thể cỡi bỏ cho nó cái gì vụng dại mà nó có.

« Trong lối dịch nguyên - văn, sự khó-khăn là không nên dịch một chữ thanh cao bằng chữ tương đối có thể thấp kém, là không nên làm nặng-nề một câu bóng-bẩy, và làm bóng-bẩy một câu nặng-nề, nhờ những quan-thoại giống nhau, nhưng không cùng một âm hưởng trong hai thứ tiếng » (Trích dịch trong « Lời cảnh cáo » của quyền *Essais sur la littérature anglaise* của Chateaubriand : « Une traduction n'est pas la personne, elle n'est qu'un portrait : un grand maître peut faire un admirable portrait : soit, mais si l'original étoit placé auprès de la copie, les spectateurs le verroient chacun à sa manière et différoient de jugement sur la ressemblance. Traduire, c'est donc se vouer au métier le plus ingrat et le moins estimé qui fut oncques ; c'est se battre avec des mots, pour leur faire rendre dans un idiome étranger un sentiment, une pensée autrement exprimés, un son qu'ils n'ont pas dans la langue de l'auteur... »

« Qu'on ne se figure pas d'après ceci que je n'ai mis aucun soin à mon travail : je pourrais dire que ce travail est l'ouvrage entier de ma vie, car il y a trente ans que je lis, relis et traduis Milton. Je sais respecter le public, il veut bien vous traiter sans façon, mais il ne permet pas que vous preniez avec lui la même liberté ; si vous ne vous souciez guère de lui, il se souciera encore moins de vous.. »

« La traduction littérale me paroit toujours la meilleure : une traduction interlinéaire seroit la perfection du genre, si on lui pouvoit ôter ce qu'elle a de sauvage.

« Dans la traduction littérale, la difficulté est de ne pas reproduire un mot noble par le mot correspondant qui peut être bas, de ne pas rendre pesante une phrase légère, légère une phrase pesante, en vertu d'expressions qui se ressemblent, mais qui n'ont pas

la même prosodie dans les deux idiomes ».

Chúng tôi cùng chủ-trương với văn hào Chateaubriand rằng : Bản dịch nguyên văn bao giờ cũng hay nhất. Vì nó đã phổ cấp cho đại chúng, lại còn giúp ích hạng thượng-lưu trí-thức bằng cách giới thiệu những lối hành văn mới mẻ của ngoại quốc trong các nguyên-tác.

Một bản vừa dịch vừa thuật hay một thiên phổng tác là công-trình của một kẻ lười biếng, nếu lên văn-đề phổ-cấp cho đại chúng để dạy miệng hạng thượng lưu trí - thức. Bản ấy hay thiên ấy chẳng giúp ích được bao nhiêu cho văn học nước nhà, vì nó có diễn dịch được các lối hành văn tân-kỳ của nguyên-tác ngoại-quốc đâu !

Nhân bản về giá-trị một bản dịch ở đây, chúng tôi xin mạo-muội tỏ bày một thiên kiến : tại sao dịch sách Âu tây, người dịch xử ta lại diễn âm cả đến tên nhân vật, tên miền, tên xứ của Âu-châu ? Những tên xứ lớn của Âu-châu đã phổ-thông như : Anh, Pháp, Đức, Ý v.. v.. thì diễn âm đã đành, có sao người ta còn diễn âm cả những tên thôn mạc nhỏ trên đất Âu châu làm cho độc giả Việt-nam chẳng còn biết thôn mạc ấy nằm nơi nào trên Âu-châu, ví dầu độc-giả ấy có giỏi khoa địa dư mấy đi nữa cũng vậy !... Còn nói đến tên nhân-vật Âu-tây diễn quốc - âm thì chúng tôi không làm sao khỏi buồn cười khi đọc đến tên con mụ *Bl-bơ le-te*, thằng *Trọc tiết* v.. v.. của bản dịch *Những chuyện bí mật thành Ba lê* năm xưa đăng trên mặt báo *Tiểu thuyết thứ bảy*

Chúng tôi rất thích đọc bản dịch. Nhưng bề gặp những bản

dịch có tên nhân vật diễn âm kỳ cục như thế thì chúng tôi không bao giờ đọc hết một trang được.

Còn nhớ có một lần chúng tôi đọc say sưa bản dịch vở kịch *Andromaque* của Racine ví dầu nguyên tác vở kịch ấy hồi còn ở nhà trường chúng tôi đã đọc đi đọc lại trong lớp và trong giờ «ê tuýt» không biết mấy lần. Sở dĩ có sự say sưa ấy là, vì dịch-giả Nguyễn Giang còn ông Nguyễn văn Vĩnh đã để y tên nhân vật bằng chữ Pháp chứ không diễn âm lổ-lãng.

Trái lại, chúng tôi không bao giờ đọc bản dịch kịch *Giết mẹ* của Vũ Trọng-Phụng, ví dầu chúng tôi rất yêu văn tài Vũ-quân, vì Vũ-quân đã diễn âm tên nhân-vật của Âu tây. Chúng tôi dầu biết rằng *LỮ-CÁCH BẠO GIA* của Vũ trọng-Phụng dịch giả vốn là *LUCRÈCE BORGIA* của Victor Hugo tác giả, cũng không làm sao đọc hết bản dịch của họ Vũ được.

Buồn thay cho sự gàn dở của chúng tôi ! Nhưng còn biết làm sao bây giờ ? Vả lại, để trả lời cho những ông bảo rằng diễn quốc âm tên nhân-vật Âu-tây là dễ dễ phổ cấp cho đại chúng, thì chúng tôi xin thưa :

— Đại chúng dốt quá, chúng tôi lấy kinh nghiệm mà dám quả quyết, không bao giờ thích đọc bản dịch. Chỉ có hạng đại chúng thiên học nghĩa là cũng đã biết qua-loa chữ Pháp và hạng thượng lưu trí thức mới thích đọc bản dịch thôi. Đối với hai hạng ấy, tên nhân vật, tên miền, tên xứ của Âu-tây, bản không làm bối rối họ đâu, mà các ông dịch giả nước nhà phải nhọc lòng lo cho một !

KIỀU THANH-QUẾ

Xem tiếp trang 11

Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ...

Số 31

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

CXI

Văn tế vợ của Võ - phân - xuất
huyện Nam-châu (1)

Thân rằng : Bổng quang-âm vi-vút,
sự đời thối dễ cả khúc ca-bồn ; hờn
kim cồ băng - khuáng, cơ tạo thể
trách chi lòng khốc túi. Ca như
không mà khốc cũng như không ;
lặng thêm tài dẫu nó càng thêm
túi. Sân nhạn thuở sắt cầm lựa ngón,
giăng một vầng vàng-vặc mới tròn ;
phòng loan khi băng ngọc vầy vui,
lan mấy đoá lần lần sớm trời. Về
xôn-xao phượng múa loan giỡn ;
duyên đầm-ấm hoa cười ngọc nói.
Nhà thanh-bạch lấy kiếm-cần này
mực, chằm bề kim - chỉ gác trâm-
thoa ; cửa nghiêm-từ đem hiếu kính
treo gương, mắng việc tảo - tã
khuấy đệm gối. Khuê-nghi mấy chút
nào sai ; khốn hạnh tư hào dám lỗi.
Đức thống huyền trong hai khóm,
lo mưa ngại nắng dạ hằng chằm ;
bệ đường - lệ ngoại mười cành, đỡ
gió che mưa tình đã vợi. Nức Lan-
đình hương-nghiã thơm-tho ; lưng
Hoa-tộc khúc hòa dặng-dối. Án họ
Mạnh những ngang mây cử mực, ăm
êm đàn hương lửa bén duyên ; cử
nàng Tô không vác mặt làm thính,
may-mắn cũng rỗng mây kịp hội.
Chấp cách hồng dẫu muốn trượng
xông pha ; theo vô kỷ vốn một niềm
gắng-gỏi. Miền Hoan-khôn thuở theo
đòi thư-kiếm, nghìn dặm dẫn một
đàn măng sữa, vóc phù dưng lưng
sương nắng dãi dầu ; cửa Tiên-cống
khi xây đắp đình-chang, mây thu
tròn tìm thú cỏ hoa, chần thúy-vũ
những bèo mây xốc lỗi.

Cầu thề xa mã khách đông tây ;
quán mộng công hầu giới sớm tối.
Miền Nam-hải mấy nao bình hỏa, ở
ngọc hoa rơi lá rụng, chóng gai
ngan ngát ngại đi về ; mái Đông-
duyên một gánh giang sơn, non
pàng, nguyệt quạnh, sao thưa, mưa

nặng chớp - chồn riêng nhớ gối.
Những ngại-ngùng cớ đón hoa đưa,
từng lần-đạn trần bờ gió suối. Phố
Bông-lãng buổi rập-rình sóng ngạc,
lặng tin tha vừa yển nỏ tằm-lãng ;
dải Hàm-giang khi phảng phất tin
hồng, pha tiết gá lại tẻch chùng
thăm hỏi. Đầu sao chấn tuyết, chiếc
bông bơ-vơ, mặt nước đa gởi, mảy
lần len lỏi. Đượm khách nhữg đồn
hơi trướng vù, cửa nặng-nề gần hoa
nở châu phun ; quế nhà vừa chực
bóng hồng bi, nơi phảng-lặng bỗng
sóng cồn gió thổi. Gan vàng khôn
chuyển lức xôn-xao, gót ngọc khôn
dừng cơn vội vối. Oan khốc nhĩ,
huồi hoai cành chén cá, tằm tơ đoan-
chỉ mới rành-rành. Chưa xót thay ;
khi rập ngọc vùi hương, giọt nước
tây oan còn hời-hời. Ôi ! Động-đình
thu diễm, nguyệt lần ngàn sương,
lãng uyển xuân tàn, hoa bay đỉnh
khói. Trong hai kỷ kết nguyên bạch
phát, êm chấn ăm chiếu đã bao lâu ;
ngoài ba tuần mơ giấc hoàng-lương,
đứt tóc lìa tơ sao nữ vối ? Bổng
bạch-câu bay vút cửa phà-sinh, hình
thương-cầu đức môn khuôn đại-khối.
Cơn nhất đán phi thường, còn mượn
góc giường đóng đàn nệm cỏ, xót
nhĩ phận nữ con khi ấy, trước mặt
ngưng chồi liễu ơ, vốn đình-ninh từ
kể tóc chán tơ ; lúc thiên - tha vĩnh-
biệt, những trông chừng ai bắc nhấc
tin hồng, thương thay lòng một mẹ
bấy giờ, trên tay nâng vóc hoa tàn,
càng đau-đớn đến bằng gan lá
phôi.

Ái làm nên mưa gió giữa đường,
đề đến đoan uyên-ương lạc lối ? Lay
chức lữ thối trao phong vĩnh-quyết,
doanh khuya lấp-lỗ thổ đưa xuôi ;
bởi nên hoang vừa đặt gối thăm
tình, ái sớm rụng-rời gá gáy đối.
Gươm ái án sang sáng có người mài,
lửa li-biệt bùng-bùng không lúc thôi.
Gánh nặng những theo dài, dẫu mới

gối chồn chồn mà bỏ lại, sao chẳng
rối ít nhiều năm nữa, khi bi còn có
khi thái, với thấy vình hoa cho bỏ
lác phong-trần ; chữ đồng còn tạc,
dề, dẫu trên oan ngậm tủi phải nên
lìa, sao chẳng trao mảy chút nhờ
chi kiếp này đã vầy kiếp sau, chẳng
may gặp gỡ lại đình nguyên sống
nại. Chưc suy thoán trước đề tin
ngờ, duyên ngọc tiễn xưa truyền
thực đối. Đã biết cùng thông là
mệnh cả, song gia-đạo được em về
vun quén. anh thôi dứt đường xanh
thì lên cửa tía, trong danh phận
thấy một ngày một mới, cũng vì em
mà gấm lại hoa thêm ; đã hay ta
đoan chẳng giới ra ! nhưng mệnh-đồ
tự anh phải bốn ba, em đã pha bài
trắng lai núp ngàn sương, lác tử
sinh còn nửa sợ nửa ngờ, cũng vì
anh đề mảy lăm nguyệt tối. Chưc
nhục vình tưởng lại luống bồi hồi,
doan li hợp dở ra càng bối rối. Cũng
thì kết cớ-phu trong một kiếp, sao
biết rằng duyên rằng nợ, nhưng gia
trauán làm phút hợp phát tan, cũng
thời đeo tu-phát ngoai từ tuần, nào
xong là hiếu là trung, vì quốc-bộ
những ba chìm ba nổi. Gặp qhềnh
thế lộ luống bán khoả, man-mát
gia-tình khôn đỡ-dối. Bốn án nặng
còn hai chưa báo đáp, vì tađi-tác đa
mỗi tóc bạc, dễ nấy ai hay việc thuở
thần-hồn, sáu tình thắm mới một đã
vun giồng, còn thơ ngây bát máu hạt
sương, khôn mượn kẻ thay nhời khi
huấn hối. Sao nữ liễn yển khốc oan
kên, sao nữ phụ thông già huyền
cối ?

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TÔ
biên tập

1) Quyền Lệ - ngữ văn-tập của
trường Bắc cổ sách số A B 166, tờ
6 b đề bài văn tế là Nam chấn
huyện võ phân xuất tế thế văn. Võ-
phân xuất là chức quan của đời
Tây sơn 1778-1802. Đại Nam thực-
lục chính biên đệ nhất kỷ quyền 1,
tờ 16 b có chép, « về đời cổ Lê các
trấn đều đặt phủ, huyện, đến nguy-
Tây tức Tây sơn không đặt phủ,
chỉ đặt bên văn chức phân tri, bên
võ chức phân xuất, chia nhau cai-
trị công việc trong huyện ».

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 8

Ứng-Hồ NGUYỄN VĂN-TỐ

VI.— Chữ Đ (bài nối)

Ở trang 90-93 quyển *Tâm nguyên từ-diễn* của ông Lê văn-Hồ, chỉ thấy giảng chữ *đổng*, *đổng-bích* và *đổng-sàng*, không thấy nói chi đến *đổng-cung*, *đổng-quân*, *đổng-lân*, *Đổng-đô*, *Đổng-kinh*, *Đổng-dương*, v. v. *Đổng-đô* là tên thành Thăng-long về đời nhà Hồ. *Đổng-kinh* tức là *Đổng-đô*, người Tàu đọc là *Tong-king*, người Tây viết là *Tonkin*. Sử chép tháng tư năm Quang-thái thứ mười 1397 đời vua Trần Thuận-Tôn 1388-1398 cho phó-tướng Lê Xương-linh chức *Đổng-đô* lộ *đô-hộ* phủ; có chữ *Đổng-đô* bắt đầu từ bấy giờ. Thanh-hóa làm *Tây-đô*, Thăng-long làm *Đổng-đô*. *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 11, tờ 28 b. 29 a.

Về chữ *đổng*, nên dẫn câu *Tả truyện*: «Chức-chi-Vũ thấy Tần-bá nói rằng: «Nếu bỏ Trịnh làm *đổng-đạo-chủ*, hành-lý đi lại, cung sự thiếu-thốn, người cũng không hại gì». *Từ-nguyên* chưa rằng: «Trịnh ở phía đông Tân, cho nên Vũ nói thế. Người sau nhân đấy gọi *đổng* là chủ, gọi tây là khách; như trong đám yến hội khách gọi chủ nhân là *đổng-đạo*; đây-là gọi chủ nhà là *đổng-gia*; người thuê nhà gọi chủ nhà là *phòng-đổng*; chủ-nhân mời thầy đến ở gọi là *tây-tân*, cũng có khi gọi là *tây-tịch*».

Dưới chữ *đổng-bích* ông Lê văn-Hồ nói «sao *Đổng-Bích* chữ việc *đồ-thư*, tức là việc vẽ tranh và việc văn-chương trong thiên-hạ». Có lẽ sai: *đồ-thư* là *địa-đồ* và *thư-tịch*. *Từ-nguyên* dẫn một câu trong *Hàn Hán thư* như sau này: «Bái-công đến đất *Hàm-dương*; *Tiền-Hà* một mình vào trước, thu những luật-lệnh, *đồ-thư* ở dinh thừa-tướng ngự-sử nhà Tần». *Đồ-thư* còn nghĩa là ấn riêng tư-ấn. Sách *Ấn-văn khảo-lược* chép rằng: «Người đời xưa đều *đổng* ấn ở những tranh vẽ sách vở *đồ* họa *thư-tịch* để làm dấu, gọi là *đồ-thư* ấn»; cho nên ngày nay ấn của quan vẫn gọi

là ấn, mà ấn riêng gọi là *đồ-thư* chép theo *Từ-nguyên*.

Ở trang 91, dưới chữ *điền-phần*, nên chừa chữ *phần* nghĩa thứ nhất là mô đất cao: kinh *Lễ* có câu: «Cổ-giả mộ nhi bất phần», người đời xưa có mộ chôn, chưa đắp nấm mà không có phần đất đã đắp cao. Nghĩa thứ hai là bến sông: kinh *Thi* có câu: «Tuân bỉ Nhữ phần» Theo bến nước sông Nhữ kia. Nghĩa thứ ba là đạo lớn: sách của *Phục-hi*, *Thần-nông*, *Hoàng-đế* gọi là *Tam phần*. Nghĩa thứ tư là đất béo tốt thổ cao phì giã: kinh *Thư* có câu: «Quyết thổ hắc phần» Chỗ đất ấy đen tốt, v. v. chép theo *Từ-nguyên*.

Còn *điền* là: 1, kinh sách, phép thường; — 2, sự tích, lệ luật cũ như chữ *điền cổ*; — 3, giữ, coi *điền-bà*, *điền-tịch*; — 4, gửi làm tin để vay tiền *điền-cổ*, chỗ này nghĩa là cầm đợ. Ngũ *điền* là cha nghĩa, mẹ hiền, anh thuận, em kính và con hiền: kinh *Thư* có câu: «Thận huy ngũ *điền*», kính cần rõ rệt năm pháp thường. Ngũ *điền* còn là tên sách của *Thiếu-H* ệu, *Xuyên-Húc*, *Cao-Tân*, *Đường*, *Ngũ* sách *Đường* *Ngũ* là kinh *Thư*.

Ở trang 92, dưới chữ *đổng-sàng* là con rết, nên dẫn câu *Nhi độ mai*: «Tắc lòng e chữa xong ngôi *đổng-sàng*» và sách *Tấn-thư* như sau này: «Quan thái-úy tên là *Hi-Giám* sai người đến cầu rết ở nhà *Vương-Đạo*. *Đạo* bảo tới gian phía đông xem tất cả các học trò Người ấy về báo *Giám* rằng: «Các thiếu-niên của họ *Vương* đều đẹp; nhưng nghe tin đến, đều tự giữ gìn hàm-tự căng trì, duy một người ở giường phía đông phơi bụng ngồi một mình ăn như không nghe biết chuyện gì» *Giám* nói: «Chính người ấy là rết khà đấy» giã-tế. Hỏi ra mới biết là *Hi-Chi*, rồi đem con gái gả cho.» Vì thế tục gọi rết là *đổng-sàng*, cũng gọi là *đổng-thần* do chữ thần phúc nghĩa là phan huyệt ở phía đông. Gọi rết người ta là *lệnh-thần* chép theo *Từ-nguyên*.

Ở trang 94, dưới chữ *đồng hồ*, nên chép cả chữ *lậu-hồ* và *khắc-lậu*; ba chữ cũng là tên một thứ đồ xem giờ của đời xưa. *Cung-oán* có câu: «Mắt chưa nhấp, *đồng-hồ* đã cạn». *Đồng-hồ* với *lậu-hồ* khác nhau thế nào? *Từ-nguyên* chép: «cách chế không nhất định» kỳ chế bất nhất; duy *khắc-lậu* tức là cái đồng hồ nước chữ Pháp gọi là *chepsydre* thì cắt nghĩa như sau này: «*Lậu* là cái hồ bằng đồng đựng nước; vì chảy từng giọt nên gọi là *lậu*. *Khắc* là một thứ mũi tên khắc từng độ, từng số, cắm trong cái hồ ấy. Dưới đáy đồng hồ, dùi lỗ bằng. Nước trong đồng hồ nhân lỗ bằng ấy chảy xuống; xem độ số, có thể biết giờ».

Ở trang 94, dưới chữ *đồng-minh* là cùng thờ ước với nhau nên chép cả chữ *minh-thệ* là ăn thờ, *hội-minh* là họp để thờ *tuyên-thệ* là đọc lời thờ. Về lệ *minh-thệ* ở nước ta, sách *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* quyển 2, tờ 15 a chép rằng: «Tháng ba năm *Thiên-thành* thứ nhất 1028 đời vua *Lý Thái-tôn* 1028-1054 ba vương làm phần. Ngày hôm trước vua *Lý Thái-tôn* mộng thấy một vị thần tự xưng là thần núi *Đổng* cổ bảo vua rằng: «*Vũ* đức vương, *Đổng-trình* vương và *Dục* thánh vương làm loạn mau cất quân điều binh để đánh». Kịp khi vua tỉnh dậy, sai phòng-bị nghiêm-ngặt, quả nhiên nghiêm... Rồi ban chiếu quan hữu-ty dựng miếu ở bên hữu thành *Đại-la*, sau chùa *Thánh thọ*. Ngày 25 tháng ba năm 1028, ở trong miếu đắp đàn, giương cờ xí, chỉnh đội ngũ, treo gương giáo ở trước bài vị thần, đọc lời thờ. Lời thờ rằng: «*Lâm* con bất hiếu, làm tôi bất trung thần minh giết đó!» Vì từ bất hiếu, vì thần bất trung, thần minh cực chí! Các quan từ cửa đông đi vào qua bài vị thần uống máu. Mỗi năm một lần, lấy làm lệ thường. Sau vì tháng ba có quốc kỵ tức là kỵ vua *Lý Thái-tổ* 1009-1028 nên hoãn đến mồng bốn tháng tư. *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* quyển 5, tờ 4 a chép năm thứ ba hiện *Kiến-trung* 1227 vua *Trần Thái-tôn* 1225-1258 định nghi-lễ như thế này: «Mỗi năm, cứ mồng bốn tháng tư, quan tả-tướng và trăm quan, lúc gà gáy buổi sáng sớm, đến ngoài cửa thành, mở sáng tiến triều, vua ngự cửa *hàn-hang* bên hữu điện

Đại minh ; trăm quan nhưng - phục lay hai lay rồi lui ; đều đủ các đồ khi - giới đội-trượng, người và ngựa sô-tụng từ cửa tây ra ngoài thành, đều đến thờ thần núi Đồng - cổ, hợp thờ, uống máu. Quan trung-thư kiểm-chính tuyên thệ đọc lời thề rằng: «Lâm tôi hết lòng trung, ở chức quan phải thanh-bạch, nếu phụ lời thề này, thần-minh giết đó!» Vì thần tịn trung, cư quan thanh-bạch, hữu du thử mình, thần-minh cực chi ! Đọc xong, quan tể-tướng đứng cửa lại, điềm xem trăm quan, ai thiếu phạt tiền năm quan-cuống. Ngày hôm ấy sĩ nữ bốn phương và người qua đường xem đông như thành tường, cho là thịnh-sự. »

Các quan đối với lời thề ra thế nào ? Đại-Việt sử toàn thư quyển 8, tờ 31b-33b chép một việc như sau này : « Mùa xuân, ngày rằm tháng ba năm mậu-dần 1398, Lê Quý-Ly sau đổi là Hồ Quý-Ly bức vua Trần Thuận-Tôn 1388-1398 phải truyền ngôi cho hoàng-thái - tức tức là Trần Thiếu-đế, 1398-1400. Quý - Ly có lòng thoán-thị, nhưng đã chót thề với Trần Nghệ-tôn 13070-1372, sợ trái lời nói, ngầm khiến đạo - sĩ là Nguyễn-Khánh ra vào trong cung, bảo vua truyền ngôi... Mùa hạ, tháng tư năm kỷ-mão 1319, Quý-Ly sai người giết vua Thuận-tôn... Thái - bảo Trần nguyên-Hãn, thượng-tướng Trần-khát-Chân mưu lấy ngày hội-minh mồng bốn tháng tư, giết Quý-Ly. Hôm ấy Quý-Ly họp thề ở Đồn-sơn, Lê Khát-Chân đã đề ý muốn giết... Vì lộ chuyện, Quý-Ly biết, sai hai thân-tích Khát-Chân co hàng trăm... Nhà họ không, cấm không ai được nghĩ chân, vì thế sai các xã phải đặt tuần canh ngày đêm canh giữ. Lê minh - thệ từ đây không làm nữa »

Nhưng Lịch-lễ-hiền-chương sách viết của Bao-cổ, số A 50, Lê-nghi chí, Minh-thệ lễ. trang 197 chép « năm thứ nhất hiệu Thiệu-bình 1344 đời Lê Thái-tôn 1433-1442, mùa xuân, tháng giêng, sau ngày rằm, vua ra hiệu - trường thi nghề xem lữ đại - thần Lê - Sát và trăm quan văn võ tể cáo giới đất thần kỳ, danh sơn đại - xuyên, giết ngựa trắng, uống máu ăn thề. Từ hồi trung hưng về sau năm 1460 chuẩn định hằng năm một kỳ họp minh thệ. Hình-phiên chiếu theo sự-lễ, chuyển đưa các nhà - môn, theo

phép lập đàn ở giữa bãi cát để hội thề, Các quan uống máu ăn thề, còn các xã ngoại trấn và sáu phiên, đều chiếu theo nơi sở thuộc làm lễ, nhưng sai các viên thuộc lại, tới chỗ giữa bãi cát để thề. »

Lễ minh thệ ngày xưa đại-đề như thế: ông Lê văn-Hồ chép thiếu.

Ở trang 100, dưới chữ *đột ngột*, có câu dùng theo nghĩa bóng, *đột ngột* là bất thình lình, xuất kỳ vô ý. » nên chữa: *đột ngột* là thình lình xuất kỳ bất ý ; hoặc giả gọi là bất thần, chữ bất thình-lình thì sai, nhiều người cũng nhầm như thế.

Cũng ở trang 100, nên cắt nghĩa chữ *đường-hoàng* theo quyển *Từ-nguyên* như sau này : một là nơi xử việc của quan lại, nhà không có tường vách : *Đường thư* có câu : « Cảnh tự Thám-phóng-xứ đường-hoàng thính sự » (Lại tới chỗ đường-hoàng của quan Thám-phóng xứ nghe việc). Một nghĩa nữa là cung điện: đời Tấn ở Lạc dương có đường hoàng Lê toàn đường hoàng Ngự-lương, v. v. ; câu này chép ở sách *Lạc - dương cung điện bạ*. Nghĩa thứ ba là khí-thế rộng-lớn : bài Phú Trương-Lỗ có câu : « Đường- hoàng nhị nghị » Lộng - lộng giới đất. Tiếng Nam ta thường dùng chữ đường-hoàng vào nghĩa này thẳng rõ-rệt.

Còn nữa

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

Giá trị một bản dịch

Tiếp theo trang 8

1. Nguyễn Giang : Il faut que la traduction rende la vie. Autrement dit, il faut que le traducteur, quand même devrait-il pour cela s'écarter un peu loin du texte original, fasse sentir à ses contemporains la vigueur des sentiments qui animaient les personnages du roman ou plutôt qui animaient l'auteur lui-même du roman quand il faisait parler ou agir ses personnages.... Tout cela suppose chez le traducteur non pas un travail de transposition mécanique des mots, d'imitation servile des tourures de phrases, mais bien un travail de reconstruction moderne des sentiments vécus ou relatés par un ancien, de reconstruction dans le cadre de sa propre société des sentiments qui ont été vécus dans une autre par un autre homme. Cette reconstruction comporte naturelle-

ment une grande part d'interprétation personnelle, la parfaite compréhension de la psychologie des lecteurs et de celle de l'auteur traduit. De ces deux psychologies, il vous semble bien que le traducteur doit trouver celle de ses lecteurs la plus importante ; c'est sur elle qu'il doit se baser pour interpréter, modifier des sentiments du passé qui ne trouvent plus aujourd'hui leurs équivalents dans la vie »

Đông dương tạp chí số 30, ra ngày 4 Décembre, nơi phần Pháp văn.

2. MILTON, thi sĩ nước Anh, tác giả bộ *Thất lạc viên Paradis perdu* mà Chateaubriand dịch ra Pháp văn K.T.Q

Tri - Tân sẽ lên giá kể từ 1er Aout 1942

Vì giấy in báo càng ngày càng đắt, và tổng-phí về việc làm báo mỗi ngày một lớn hơn, nên các báo ở Nam đều phải tăng giá, mà các bạn hằng ngày ở Bắc đây cũng đều ra có hai trang.

Đứng trước tình - thế khó - khăn này, bản - chí cũng không thể cứ làm một việc hi-sinh vượt quá sức mình mãi, nên cần phải trông mong ở sức cộng-tác của các bạn đọc.

Không muốn làm việc rút trang, tất phải nhích giá thêm lên đôi chút cho khỏi lỗ. Vậy bắt đầu kể từ 1er Aout 1942 đây, giá báo sẽ tăng và tính như sau :

Một năm	6 tháng	3 tháng
8p.50	4p.50	2p.35
Bán lẻ mỗi số		0p.20.

Ngoại quốc và các công-sở tăng gấp đôi.

Tuy vậy, đối với các bạn nam nữ học sinh, bản-chí cũng sẵn lòng tính bớt 20o/o.

Còn các bạn đọc ai mua và giá tiền trước ngày 1er Aout 1942 cũng vẫn theo giá cũ nghĩa là :

Một năm	6 tháng	3 tháng
6p.80	3p.50	1p.80

Một khi các bạn đã có lòng yêu mà đứng bên ủng - hộ, chắc cũng không kỳ-quản gì về sự thêm lên mấy xu ấy.

Vậy mong các bạn đọc vui lòng thề - tất cho.

Ba tạ trước,

TRI-TÂN

SÁNG hôm sau, vào tòa Sứ trình giấy đi đường; mới hay tin giáo-sư N. mới bị sốt rét rừng, đương nằm dưỡng bệnh ở Bungalow. Tôi lại giặt mình nghĩ đến đêm qua tuy đã chán mà cần thận, thế mà cũng được mấy chú muỗi kèch sù vo ve lên vào thăm người khách lạ.

Ở tòa Sứ ra, vội hỏi thăm đến Bungalow gặp mặt giáo sư. Hai bên vui vẻ chuyện-trò hồi lâu. Giáo-sư nói cho tôi biết công việc sẽ bắt đầu làm ở mấy làng Mọi gần đây. Rồi giáo-sư bảo tôi ra phố mua ít quinine; lại dặn dò phải ngàn ngửa muỗi độc và nước uống phải đun thực sôi . . .

Hôm đó nhằm ngày chủ-nhật nên tôi cáo-từ giáo-sư, để dạo qua thăm phố.

Ban-mê-thuật là lỵ-sở của tỉnh Darlac. Tỉnh này lập ra từ năm 1899. Trước lỵ-sở lập ở Bandon. Vì giáp-giới xứ Cao-mên, không được tiện lợi về mọi phương diện, nên sau đó mấy năm, tỉnh-lỵ được thiên vào khu người Rhadé-Kpa. Dân số độ 2000 người. Cách Bandon 42 cây số, Ban-mê-thuật ở trên một khu rừng đất đỏ, cao hơn mặt biển trên dưới 600 thước tây; ở về tả ngạn sông Ea-Tam.

Hồi năm 1905 mới vắn-vắn có hai dãy phố dọc và 3 dãy phố ngang. Tới năm 1914, mở mang hết sức phố-sá mới thêm rộng rãi. Trên một khu rừng 200 mẫu tây, chia làm 7 khu cả thể: khu công sở, khu phố chợ, khu phố tây, khu phố nam, khu người Rhadé, khu trại lính và khu thí-nghiệm canh-nông cùng chăn nuôi.

Khi ở Bungalow đi ra, tôi nhận thấy trước tiên là cái máy nước xây ở đầu các ngã đường gặp nhau. Máy bơm Mọi cối trần, đóng khố, đầu để lộ-thiên ở dưới giới nâng như thiên, coi bộ thần nhiên đương khệ nệ hai người khiêng một chum nước đầy, vừa lấy ở máy ra. Dù đường hai bên cũng có bóng cây mát, nhưng họ cũng phải cẩn thận tránh nắng cầu rợp như

ai. Mới hay dân Mọi có cái sức chịu nắng hơn ai hết.

Phố xá vắng vẻ, tuyệt nhiên không có một cái xe kéo, cả đến hàng giải - khát cũng không! May

cho tôi lúc đi lại mang thermos nước đầy, cứ một quãng đường lại phải dừng chân uống nước. Bỏ hơi chảy ra như suối. Thỉnh-thoảng lại bị một cơn gió lốc cuốn tung cát đỏ bay vù, làm cho công gạch, nhà sàn, lá cây, ngọn cỏ đều phủ một màu gạch non. Nhìn đến mình tôi, thì từ đầu đến chân đã hóa thành một người mặc quần áo nhuộm son đỏ ngòm.

Đi hết một vài phố chính, quanh ra phố chợ thấy năm ba hiệu khách: họ cũng bán đủ các thứ. Đến như người nam mành cũng được mua làm hàng như hiệu thuốc tây, hiệu chụp ảnh, hiệu may, hiệu cắt tóc và vài hiệu cao lâu, coi vẻ cũng ra chiều phồn-thịnh

Cứ như nhờ ông Kế đã nói chuyện cho tôi, thì trước hồi đó, mấy năm, mấy đèn, máy nước chưa có, mà phố-sá thì thưa-thớt vắng teo, chỉ lọt-đọt có vài ba hiệu khách với mấy nhà người nam, toàn người có công việc cần thiết phải ở tỉnh này, ngoài ra đều là người Rhadé ở cả. Nếu mình không quen biết ai mà tới tỉnh này, dù túi tiền, cũng đến phải nhịn đói nhịn khát vì không có lấy một hàng cơm, hay một nhà trọ. Không những thế, người Mọi ở đây lại còn có ý cừu thi với mành, nên ít ai chịu tới đây để buôn bán làm ăn. Cảnh-tượng rất là buồn tẻ. Trại lại mấy năm gần đây nhờ sự mở-mang săn sóc của các nhà cầm quyền, tỉnh lỵ dần dần trở nên sầm uất. Người mành đã chịu đưa nhau tới đây buôn bán: từ con cá đến lá rau ở ngoài Nha-trang có gì, thì ở đây

Lúc-ký

BAN-MÊ-THUẬT

Số 2

của Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

cũng có cả. Thậm chí có người thuê ô-tô mang từng xe gạch ngói vào tận đây để xây dựng cửa nhà. Các đồ vật-liệu nhất nhất đều phải tải từ Nha-trang vào cả, giá đắt gấp ba. Cho nên nhà cửa ở đây phần nhiều phải làm bằng gỗ, chung-quanh dựng ván, trên lợp bằng nứa hay giang. Dưới đất hãy còn cát đỏ mấp-mô! ta đi giày dép nếu vô ý thì sẽ sục vào đầy cát đỏ. Trừ ra mấy phố chính, vỉa hè đã xây; đường đã rải dĩa và đèn điện, máy nước đã có; còn các phố khác thì vẫn sơ-sài. Chưa được mấy nhà bằng gạch, nên cũng không lấy gì làm khả-quan lắm!



Nhà ở của người Mọi

Đi thăm phố-xá trong mấy giờ, khí nóng như thiêu, bỏ hơi nhễ-nhãi, tôi đã thấy mỏi mệt, nên quay về nhà trọ nghỉ. Khi gội đầu, rửa mặt, tôi nhận thấy thau nước đang trong bồn trở nên đỏ ngầu như nước sông Nhị-hà về mùa nước lớn! Tuy tắm rửa rồi, mà

mình vẫn vẫn nóng khó chịu. Nhưng may chiều hôm ấy lại được trận mưa, gió lại thổi đều, nên khí nóng dần dần lui bớt. Sau bữa cơm chiều, tôi đi dạo phố đã thấy dễ chịu nhiều; muốn tìm nơi giải trí, nhưng chớp bóng không có, nhà hát cũng không, đành phải trở về ngủ cho lại sức.

Sáng ngày thứ hai, dậy sớm, điềm tâm xong, tôi tới nơi ngụ sở của giáo-sư N. để bắt tay làm việc. Đến nơi, giáo-sư còn nằm trong chăn, tay cầm mảnh giấy, đương viết nguệch-ngoạc; miệng thì nói chuyện bằng tiếng mọi với một người Rhadé. Người đó trạc độ 30, đầu chải rẽ, mặc áo lầy hở ngực,

hơn 200 thước, bề ngang độ 6, 7 thước. Thoạt vào, chẳng đầu nhà có một cái thang, bằng một thân cây gỗ, bề ngang độ 40 phân đục thành từng bậc thang lên trên mặt ván; trên đầu thang đục hai cái vù và mặt giới có tia sáng xung-quanh. Thang dựng gần đứng, từ mặt đất lên sàn cao độ hai thước tây.

Trèo lên trên sàn, thấy toàn thân cây xếp lại, để lộ thiên như một cái sân. Ở góc bên tay phải, thấy một cái bàn tượng tể bằng mây, có mỹ-thuật mà bền-chặt lắm; bên cạnh một đồng giây thừng to như cổ tay, để bừa ra đó. Đi qua một cái cửa phen, tới một căn nhà sàn, dài độ 40 thước, rộng 6, 7 thước. Nơi này dùng để cúng lễ, bày tiệc rượu cần để tiếp khách. Ở giữa nhà có một hàng cột chạy suốt dọc nhà; cái nọ cách cái kia chừng 4, 5 thước, cao từ mặt sàn tới nóc, chừng 7, 8 thước. Dưới chân hàng cột ấy, bày một dãy chum: Cái sành, cái sứ, men đỏ, men xanh, có hoa, lá, rồng, phượng, đắp nổi ngoài chum, coi rất ngoạn mục. Tính ra nhón nhỏ đến hơn trăm cái chum.

Khi có việc cúng lễ, cưới xin, những chum ấy đều ủ đầy men rượu. Xung-quanh những chum ấy có rất nhiều ghế đầu làm bằng tre kèn mây, như cái thúng úp. Hai bên ngoài hiên nhà đều có cửa sổ bằng phen nửa. Dưới cửa sổ có những tấm ván ngựa dài độ 20 thước, rộng độ 1m00 dày 0m10, một đầu trạm cong như mũi thuyền, đó là tấm ngựa để khách ngồi chơi. Dưới sàn còn rải những chiếc chiếu xanh đỏ cực dài, theo dọc chiều nhà. Khi có khách, họ ngồi quây-quần xung quanh chum

kiểu nhà của người Rhadé đương ở. Dọc đường, chúng tôi chuyên-trò rất tương đắc. Đi độ hơn cây số thì tới nơi. Trước hết tôi nhận thấy mấy dãy nhà sàn: mỗi cái dài đến

rượu; dùng cần tráo tra vào chum mà hút; tục gọi là « uống rượu cần ».

Về bên vách cột, dưới cửa sổ bên tay phải, có treo một cái trống đồng, và hai cái trống da. Khi có cúng lễ, họ khua chiêng trống om thồm liên hồi không dứt tiếng.

Bên cạnh trống đồng, có một cái cột to, họ đeo đẹp đi, bên trên chạm hai cái vũ công như sừng trâu, có mặt giới ở giữa; hai bên cạnh chạm như răng cưa. Suốt từ mặt sàn lên tới mái nhà đều chạm trổ rất ngộ-nghĩnh. Đi qua ngán rộng ấy đến một lối đi ở giữa nhà. Còn hai bên đều chia ra những ngăn buồng, mỗi buồng vuông-vắn độ hai thước. Giữa buồng đặt một cái bếp vuông độ một thước. Bếp ấy đắp bằng đất, xung-quanh ghép tre, đặt ngay trên mặt sàn, cao độ mười phân; bên trên để ba hòn đá, dùng làm đỡ-rau. Bên cạnh bếp ấy cũng rải chiếu xuống sàn dùng làm chỗ ăn ngủ của các tiểu gia - đình về những người trong một bộ lạc. *còn nữa*

Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

Giăng non

(Lối Nam-dân bát châu)

Tán - đồng lối thơ « Nam - dân bát châu » của Tùng-lân Nguyễn Thôn-Phục tiên-sinh đã đề xướng, bạn Cách-Chi có viết bài này để tỏ ý hưởng-ứng. Vội xin đăng ra sau đây để công đồng lãm.—

T. T.

Giờ vừa tối, giăng non đã xé
Nhuộm một màu rầu - ri cảnh
vườn hoa
Cỏ cây thấp - thoáng lơ - lơ,
Màu tươi, sắc tằm, bày giờ
thầy đau!
Tiếng riu-rít ch m ch eu, khi
đã lặng

Về Âm-thầm quang vắng, lại
càng ga.
Giăng non đã khuất núi xa,
Bề đem dâng - dâng bao - la
cõi trần!
CÁCH - CHI

Chung quanh bài thơ « Phỏng đá »

Vài nhời cuối-cùng cùng ông Việt-Thường

Tôi đã được xem bài trường-thiên của ông đăng trong T. T. số 52 vừa ra, những nhời mô - phạm, đều xin bái lạy. Cũng muốn giả nhời ông rõ thật thật dài từ A cho đến Z để đáp lại tấm thịnh-tình đó, song điều thứ nhất sợ nhảm tai quý độc-giả của nhà b-o, còn điều thứ hai thì, leo ôi; giờ nóng này mà ngồi viết dài, dài thế, thì tôi phải đi lên Văn-nam-phủ hoặc sang tận Chamonix, mới mong đủ can đảm viết, chứ ở cái xứ nóng của chúng ta này thì dù có đi đến « Sấm-sơn » chẳng nữa cũng chịu thôi!

Thưa ông Việt-Thường, ta nói đủ rồi, vì nói thêm nữa là thừa, chỉ sợ « le raisonnement fait perdre la raison ». Còn hay dở, xin để phần phán đoán cho các quý độc-giả của chúng ta.

Dù ông có nhất định rằng « Cái thuyết cụ Tam-Nguyên làm bài thơ ông Phỏng đá về dịp mừng « thọ không thể nào có được thì « tôi cũng xin vâng, vì chính tôi « cũng nghĩ thế, mà ông Tiên-Đàm « cũng nghĩ thế nốt! »

Chỉ xin phép quý độc-giả và cả ông Việt-Thường nữa, nhắc qua lại sau này cái cơ mà tôi nhận bài thơ Phỏng đá là của cụ Tam-Nguyên.

Như tôi đã nói, các nhà văn có

thể giống nhau ở « tư » (idée), còn « giọng » (style) thì mỗi người một khác.

Nay chép dưới đây hai bài thơ của cụ Tam-Xuyên :

Một là: bài Vịnh một bức chân dung
*Chẳng biết ông chi quá lạ lùng
 Ngồi trên hòn đá dưới cây tùng?
 Khoanh tay ra vẻ lo đời lắm!
 Vẽch mảy như tuồng đặc ý hang!
 Làm bộ khôn ngoan tai mắt đủ,
 Đến điều phải trái ruột gan không!*

*Rầu rầu chịu tiếng trong trời đất,
 Sao cứ trơ trơ thế hỡi ông?*

Hai là bài không chổng trổng bông lông.
*Chỉ em có cả, một mình không!
 Ban mấy, nào ai biết giá chổng!
 Chín lớp trôi dầu, trời cũng muốn;
 Bốn mùa mỗi mắt, đá con trổng.
 Qua rằm, trăng đã tròn hìn bong!
 Lỡ lưa, cày đã trắng toát bong!
 Ông Huyện ba-la dầu gạo-gỡ
 Tương-tư một ganh nhẹ bồng lông.*

Và cả một bài thơ của cụ Tam-Nguyên.

*Bực gì bằng gái chực phóng không
 Trơ-trưởng ai chung một tấm chổng!
 Trên gác, rồng mây ngao-ngán nhẽ!
 Bên giờ, cá nước ngằn ngo
 trổng...*

*Mua vui, lắm lúc cười, cười
 guợng...*

*Bán đại nhiều khi nói, nói bông...
 Mới biết có chổng như có cánh
 Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông.*

Đề kết luận rằng: bài thơ phỏng đá

*Ông đừng làm chi đấy? hỡi ông!
 Trơ trơ như đá vững như đồng!
 Đêm ngày coi-sóc cho ai đó?
 Bể cạn, non mòn, có biết không?*

Không kể chỉ đến cái hay dở của nó, chỉ nói đến cái cỗi-rễ của nó, thì nó chỉ có thể cùng một tác-giả với bài thơ ba trên này, nghĩa là tác-phẩm của cụ Tam-Nguyên

Nguyễn Khuyến, chứ không thể cùng một tác-giả với hai bài thơ nhất thứ nhì, nghĩa là tác-phẩm của cụ Tam-Xuyên Tồn-thất Mỹ được.

Thưa ông Việt-Thường, tôi nói thế là hết, và cũng xin theo phép lịch-sự mà giờ tay tưởng-tượng đón tay tưởng-tượng của ông trong sự tưởng-tượng.

NGUYỄN PHƯƠNG

T. B. — Tôi xin nhận rằng ông V. T. nói có lý khi ông bẻ hai chữ « đó » và « đấy ». Song theo ý riêng tôi thì cứ để chữ « đấy » ở câu nhất, vì chữ « đấy » đủ nghĩa hơn chữ « thế », để ở câu nhất nó mới đủ bao-quát được cả bài. Còn chữ « thế » đem xuống câu tam, thì làm cho bài thơ có vẻ lưa-loát hơn. Vậy bài thơ nó sẽ như thế này:

*Ông đừng làm chi đấy? hỡi ông!
 Trơ trơ như đá, vững như đồng!
 Đêm ngày coi-sóc cho ai thế?
 Bể cạn, non mòn, có biết không?*

Xin nhắc lại rằng đây là theo ý riêng tôi, bàn thêm cho vui, chứ không dám bảo rằng cụ Tam-Nguyên ngày xưa viết như thế. Nếu quả cụ có viết thế thực, cũng thì chỉ là một sự ngẫu-nhiên của tôi mà thôi.

NG. PH.

Sách mới

Tri-Tân nhận được:

1) *Lông ngỗng gieo tình*, tiểu-thuyết lịch-sử bằng thơ, tả mối tình của chàng Trọng-Thủy và nàng My-Châu. Tác-giả là Việt-Châu, do « Kim-Cui » xuất-bản. Giá 0 p, 70.

2) *Mối thù truyền-nghiệp*, chuyện trinh-thám của B. H. P. trong loại « sách Giải-Trí » do Hàn-Thuyên xuất-bản.

Sách dày 124 trang, bìa có tranh vẽ, giá 0 p, 50.

3) *La nouvelle organisation économique* của Louis Alben, do phủ Toàn-Quyền xuất bản.

Xin cảm-ơn các tác-giả, nhà xuất-bản và vui lòng giới-thiệu với độc-giả

Bản chỉ

Cần cổ động viên để đi các tỉnh thu tiền và lấy thêm độc-giả, vậy ai muốn làm, cần có những điều-kiện này:

1) Phải là người trên 20 tuổi.

2) Có bằng Sơ học pháp Việt.

3) Có ký quỹ từ 50 p. đến 100 p.

4) Có tính hạnh tốt.

Xin viết thư cho bản chỉ và nhớ kèm theo tem để trả lời.

TRI-TÂN

Bia Văn-miếu

Những ông nghề triều Lê

Số 27

Ưng-Hồ NGUYỄN VĂN-TỔ

BIA thứ tư, hiện còn dựng ở Văn-miếu Hà - thành. đề là *Quang-thuận thất niên binh-tuất khoa tiến sĩ đề danh ký* nghĩa là bài ký đề tên tiến-sĩ khoa binh-tuất năm Quang-thuận thứ bảy 1466 đời Lê Thánh - tôn 1460-1497 Nguyễn-văn chữ nhỏ dịch ra sau đây :

« Gởi giúp nhà vua, văn - minh thịnh trị chuông dùng người tài-giỏi, khoa-mục thịnh-hành. Năm binh-tuất hiệu Quang-thuận thứ bảy 1466 vừa gặp kỳ thi, bộ Lễ họp những học trò chăm học quan quang một nghìn hơn một trăm người, xét tài năng, chọn người giỏi được hai mươi bảy người.

« Ngày 12 tháng ba, vua ngự cửa Kính-thiên tự ra đầu đề, sai các quan Đề-điều là : sùng tiến nhập-nội hữu-đô - đốc, kiêm thái - tử thiếu - bảo, Lê cảnh - Huy quyền chính-sự viện thượng - thư, kiêm Cần-đức-điện đại-học sĩ, thái - tử tân khách, Nguyễn như-Đồ ; Giám thí là Hàn lâm - viện đại - học - sĩ, quyền Ngự-sử-đài ngự-sử đại phu, Trần-Bàn, và các quan liêu thuộc, chức nào việc ấy, không ai là không kính cần nghiêm-trang.

« Sáng hôm sau, các quan đọc quyền là Hàn-lâm-viện thừa - chỉ Nguyễn-Trực, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, quyền Hộ-tộ hữu-thị-lang, kiêm Cần-đức-điện đại học-sĩ, nhập thị kinh - diện, kiêm tả - xuân phượng thái-tử tả dụ đức Nguyễn cư-Đạo, Hàn lâm viện học sĩ, hành Hải-tây dạy tuyên chính-sự-ty tham tri, kiêm Bí-thư giám học sĩ Vũ Vĩnh-Trình. bưng quyền lên đọc.

« Thánh thượng thân xem quyết định cao thấp cho lũ Dương như-Châu tám người đỗ tiến-sĩ, lũ Nguyễn nhân - Thiếp mười chín người đỗ đồng-tiến-sĩ.

« Ngày 26 làm lễ xướng danh, ban cho ân mệnh. quan bộ Lễ bưng bình vàng, yết ở ngoài cửa Đông-hoa. đề tỏ vinh diệu, lại cho mũ áo yển tiệp.

« Mồng ba tháng ba nhận. các người đỗ tiến-sĩ vinh qui, triều đình hân đãi, kẻ đa sĩ nhiều học trò giỏi được ơn vua, vẻ vang như thế là rất mực.

« Lúc bấy giờ bia ký đề tên chưa dựng. Năm nay là năm giáp thìn, niên Hồng - đức thứ mười lăm 1484 sai thần là Văn-Lễ soạn văn khắc bia. đặt ở cửa hiên quan tử là Văn miếu cho đủ thịnh điển

« Thần tự nghĩ là kẻ vu lâu, đầu dám phở bày Ngửa trông đức Thánh thiên tử gia ơn cho kẻ nhân tài, làm kẻ lo xa cho thế - đạo tư văn, mưu lớn phép hay, đề lại đời sau. Thần kính vâng đức-âm, cảm kích vui mừng khôn xiết, chấp tay cúi đầu mà nói rằng :

« Gởi đất vô tâm mà rên đức hóa, nhờ bốn mùa đề giúp công ; thánh nhân hữu tâm mà không làm, dùng người hiền tài đề giúp trị. Nhân tài đối với quốc-gia quan hệ rất lớn. Tất có đào tạo, sau mới có nhân tài ; tất có cất đặt, sau trong nước mới không sót người hiền.

« Kể từ Đường, Ngu, Tam - đại, xuống đến Hán, Đường, Tống, dựng nhà Tạng, nhà Tự, nhà học-hiệu, đề đào tạo nhân tài, đặt phép khoa

Thống-chế PÉTAİN đã nói :

« Hội nghị không phải là trường - đua đề tranh - dành quyền-tước hay là phát-triển mưu-mô vụ-lợi.

Nhiệm-vụ của Hội-nghị là giải-bày ý-kiến sáng-xuất với Quốc-trưởng có trọng-trách trị dân »

cử tân hưng đề kêu chọn nhân tài; tuy hiệu-quả trị nước hay dở khác nhau, nhưng tất phải lấy việc được người hiền làm việc trước

« Đứơc Thái - tử Cao hoàng đế thánh-triều tức là Lê Lợi, 1418 1433 dẹp yên bờ cõi, giáo dục anh tài, rộng tìm thi cầu kẻ tạo sĩ, tiến sĩ đón với thời thì kêu học sĩ. Tuy tên khoa tiến sĩ chưa đặt, mà khí mạch tư văn tức là đạo nho đã hoàn toàn, ai bảo rằng nhân tài một đời được thịnh chẳng cỗi gốc từ đây ư ?

« Đứơc Thái-tôn Văn hoàng - đế 1433 1442 sáng nói tiên chỉ, phần chấu nho phong, hưng khởi hiền tài trong thiên hạ, người giỏi đến như mây họp Xem lễ phép của tiên vương, khoa mục đổi theo lối mới, kể từ năm nhâm tuất 1442, khai khoa, mọi kẻ nhân tài được dùng cách thức, cổ động khí anh-hào bốn bề mở rộng khí vận về văn chương ức muôn năm thịnh vượng há chẳng phải bảo rằng giúp cho con cháu ta, đều được chính đáng, không thiếu » ?

« Đứơc Nhân-Tôn hoàng-đế 1442-1459 giữ gìn nền nếp cũ, sửa sang khuôn phép, trọng khoa cử, nhân-văn càng rõ.

« Đến Hoàng-thượng (tức là Lê Thánh-Tôn, 1460-1497) ngôi ở quân-sự ứo triệu dân, gồm phép tắc hoàng-vương, cất dùng kẻ nho-nhã, sửa sang vận thái-bình.

« Quý-múi 1463 là khoa thứ nhất đời trung hưng, cách chọn lấy nhân tài lạ thịnh hơn trước. Bỏ các vị tể thần thánh xếp đặt đào tạo rất hậu đến bây giờ thì sẵn hoa ăn quả, như lấy gỗ kỹ, gỗ tử mà làm cột, làm xà.

« Song từ năm Nhâm-tuất 1442 đến năm Quý-múi 1463, hoặc sáu năm một lần thi, hoặc năm năm một khoa, lòng Hoàng-thượng còn cho là chưa đủ, để chầu-tập nhiều kẻ sĩ-phu. Bèn xem Hội-thông làm đến-lễ chầu chước định phép, ba năm một khoa, lấy năm Bính-tuất 1466 làm đầu. Phạm người đỗ đều xứng đáng ở con đường văn học; chính sự, dùng chức tuyên hóa nuôi dân, chính là gốc từ lúc kén chọn này.

« Nay về sau chế-độ càng rõ, di-văn càng đủ, hội thi đăng khoa có sách, đã đủ rõ đời nay thịnh minh, đề tên khắc đá có bia, lại đủ tỏ sự khuyến-kích cho đời sau. Vậy thời người đã đỗ đề tên, nên ghi nhớ long ân, lòng trung-tiết như đá, đề lo toan báo đền. Kẻ đa sĩ, ngó mắt đến, cũng đem lòng trung nghĩa cảm kích, dùi mài kinh sử, đề mong trọng dụng, như thế đủ thấy những kẻ khôi-kiệt chân-tài lũ - lượt ra, lấy văn chương vẻ vang cho nước, lấy đạo - đức giúp đời. Làm cho quân-dân như Nghiêu, Thuấn, làm cho lễ-nhạc như Ân, Chu, nhân tài được nhiều, tri-hiệu được thịnh, rõ ràng thay, càng lâu xa càng sáng tỏ. Thế thì thành-thần dựng đặt qui mô, sửa sang phong hóa, chẳng những làm vẻ vang trong một thời, lại làm rõ cái phúc lớn cho muôn đời. Việc cò-vũ hương - khởi, công đào - tạo chuyển văn, lớn cùng giới đất, công ngang tạo hóa, lâu dài vô hạn, thái hòa khắp nơi, nên bảo khuôn phép giới đất không hơn, uốn nắn muôn vật không sót, đức tốt nghiệp lớn đến đây rất mực. Kính chép.

« Mậu-lâm-lang Đông-các hiệu-thư Đàm Văn-Lễ phụng sắc soạn. — Cầu-sự lang-trung thư giám chính tự Nguyễn-Tùng phụng sắc thư. — Mậu-lâm lang Kim-quang-môn đãi chiến Tô Ngại phụng sắc triện.

« Dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng - đức thứ mười lăm 1484.
Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Cải chính

T. T. số 51, trang 16, cột 2, giòng 28: « Ý-nghĩa », xin đọc là « ý nghĩ »

T. T. số 52 trang 10, cột 2 giòng 17: « Schopenhauer », xin đọc là « Schopenhauer ».

T. T. số 53, trang 11, cột 2, giòng 42: « Ông Sandhi », xin đọc là « Gandhi ».

Thanh-minh

Bấy nay, vì nhà in thiếu những dấu ngoặc đơn, nên có nhiều bài, nhất là bài « Tra nghĩa chữ nho » ở T. T. số 53, không đặt được đủ parentheses. Xin các ban đọc tế nhận và lượng thứ cho. Cảm tạ.

Hộp thơ

Ô. Khâm, Tong — Tri-Tân thiếu số 4, 5, và 18. Ông cần thì gửi mandat về. Mandat hôm trước tiếp được rồi.

Ô. Phác. — Văn-Cát. Tri-Tân số 46 ở nhà báo hết. Đợi khi nào có sẽ gửi xuống ông.

Đón coi:

Quyền tác-giả của LÊ-THANH
Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-diễn

của ĐÀO TRỌNG-ĐỦ
Phan huy-Chú với bộ « Lịch-triều hiên-chương »

của HOA-BẮNG
Phê-bình « Kinh cầu tự »
của HUY-CẬN

Hội-Thống VŨ VĂN-LỢI viết

Tin văn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Mỹ đã gửi quân sang giữ Ấn-độ, Trong hai trận phi-cơ Nhật đánh Hành-dương. Không-quân Mỹ ở Tàu bị hại lớn

Sau năm năm chiến tranh, Nhật đã phá hủy được 2154 phi cơ và 100000 tấn chiến hạm của Tàu.

Quân Đức tiến đánh trên mặt trận Nga dài 1.200 cây số, phá vỡ được mặt trận Nga ở trước Mạc-tư-khoa và ở Ukraine; một đạo đã vượt qua thượng-lưu sông Don.

Thống-chế Rommel có lẽ bị thương ở Ai-cập.

42000 quân Tàu và Anh bị chết ở Diên-diên.

3 trung úy và 46 phi công Nhật đã tự hi sinh trong trận Hawai.

Toàn thể Hồng quân bị nguy sau khi Voronej bị hạ Nga khởi hết quân trừ-bị để cố chặn cuộc tấn công của Đức. Chiến xa hạng cực nặng của Nga cũng phải xuất trận.

Tại Ai-cập, hữu-dực Đức bị dồn về phía tây bắc.

ĐÔNG-DƯƠNG

Một tuần lễ triển-lãm báo sách và ảnh các văn nhân, thi-nhân Việt-nam.

Từ 11 đến 18 Juillet 1942, nhà sách Nguyễn Khánh-Đàm ở Saigon sẽ tổ chức cuộc triển lãm báo sách và ảnh các văn nhân thi nhân Việt-nam tại hiệu ông.

Mong rằng cuộc triển lãm ấy sẽ có kết quả tốt đẹp. T-T

Chiều thôn dã

Mấy mảnh nắng tàn treo ngọn
cao

Hoàng-hôn len-lén bước chân
vào...

Mờ-mờ sương khói vờn theo
gió.

Hơi mát dờn lên từ mặt ao.

Chân trời mờ nhạt núi-non xa.

Một buổi chiều hôm rưng nắng
tà.

Lấp - ló sườn non vành bán
nguyệt:

Thoi vàng hay chỉ mảnh
dương sa?

Chợ tàn, quang gánh nhẹ đôi
vai.

Đường hẹp lẫn phơi tằm vài
dài...

Lũ - lượt bước dần đôi lứa
bạn...

Thềm nhà có kẻ đứng trông
ai...

CỎ CÀM-LAI

Trí Tân đọc thơ

Tiếp theo trang 5

« Ai thề như mới hôm qua,
« Lặng nhau không được chẳng tha
chết đi »

Nhằm
Nhưng khốn nỗi, gia pháp còn
nghiêm, thân nhì nữ phải ép
mình tuân lệnh đề dền công
duỡng dục mà đành mang tiếng
con người phụ bạc :

« Phận gái ví theo lẽ ép ường
« Đã về Chiêm quốc như Huyền
Trân »

Nhạc Xuân
Nên khiến thi sĩ đã từng ngao-
ngán nhẽ :

« Em đã sang Ngang với một
người,
« Anh còn giống cái nứa hay thôi ?
« Đêm qua mơ thấy hai con bướm
« Khép cánh tình chung ở giữa
giời ! »

Cảnh biệt-ly, kẻ ở người đi đã
làm cho khách đa tình phải
cùng thánng ngày ôm hận mà
ràn-rụa những nỗi nhớ-thương :

« Sớm nay sương xuống đầy làng,
« Tưởng như khói pháo đưa nàng
năm xưa

« Nàng về, kẻ đón, người đưa,
« Tới chờ gì nữa mà chưa giang
hồ ? »
Vu quy

Những câu thơ dở

Đọc những câu thơ mà tôi
trí h trên đây, độc - giả thấy
chúng tuy không được tuyệt
diệu, nhưng cũng nhẹ - nhàng
bay-bướm.

Chúng chứng thực rằng thi-sĩ
Nguyễn Bính cũng có tâm hồn
thi-sĩ, biết cảm những cái nên
thơ, biết du-dương lòng mình
trong những phút đau thương
bằng những vần điệu êm-dềm
nhè-nhẹ.

Ông đã tỏ ra rằng ở chiếc đàn
lòng của ông, cái giây thương
nhớ là cái giây rung-dộng hơn
bất.

Nếu toàn tập có những câu
như trên thì, với thời-gian, với

sự cố-gắng, với sức rèn luyện
tâm-hồn trong trường đời, ông
Nguyễn Bính sẽ có hi-vọng trở
nên một thi-nhân nổi tiếng trong
làng ngâm vịnh.

Nhưng tiếc thay, bên cạnh
những câu nhẹ-nhàng đó, chúng
ta thấy nhiều câu đã quăng cáo
một cách không hay cho thi-sĩ.

Độc - giả hãy cùng tôi đọc
những câu sau đây chẳng có gì
đáng gọi là « thơ » cả :

« Uống rượu xuống thường và rất
nhớ,

« Một người gêu ở một phương
trời »

Mùa đông nhớ cổ nhàu

« Nhớ-nhung trắng-xóa cả mây trời

« Trắng xóa hồn tôi, ai nhớ tôi ? »

Nhớ người trong nắng

Bốn câu dưới đây lại ngờ-ngần
một cách buồn cười :

« Trong hơi thở ấm như hơi
nắng

« Ngủ chẳng về cho, ngủ giả rờ ».

Mưa

« Thôn tôi vào đám hai ngày chẵn

« Chỉ có chèo không nhưng cũng
vui ».

Cuối tháng ba

Lắm lúc ông Nguyễn Bính tỏ
ra mình như chú khán nơi thôn-
đã làm về đề chèo ghẹo một cô
gái quê :

« Cái quạt mười tám cái nan,

« Anh phất vào đấy vô vàn nhớ
nhung »,

« Em ơi, công chúa là em, . . .
« Anh là quan trạng đi xem hoa
về »

Đề-quạt

« Bao giờ rồi được nhau ra,
« Bởi tôi là sắt, nàng là nam-
châm ».

Tây-Thi

« Vót lên thả xuống sao đành,
« Anh gửi cho mình, giữ lấy,
mình ơi ? »

Thư lá vàng

Đọc những câu trên đây, độc-
giả tưởng như đứng trước một
đám hát quan họ mà ông Nguyễn
Bính đứng xem đã làm họ

những người hát.

Ngoài ra, lại có những câu gò
gẫm một cách khó khăn tưởng
như lúc làm, nàng Thơ đã ruồng
bỏ tác-giả « Hương cổ nhân »
mà chấp cánh bay đi nơi khác
như tỏ ý rần-rối :

« Giá anh có phép thần tiên
« Bắc cầu bằng bút, đùn thuyền
bằng thư

« Đem tim đắp đập cầu cừ,
« Anh lên trên ấy đã từ ngày xưa.

Nước mấy lần xanh.

Những câu sau này vừa nhạt-
nhèo, vừa sống suông, tìm thấy
rất dễ trong tập thơ :

« Pháo cưới chẳng hôm nào chẳng
nở,

« Tình xa lằng - lắt dưới chân
bông t

Mùa đông gửi cổ-nhân

« Vội vàng chi mãi có Thơ !

« Áo bông tuy ấm nhưng chưa
đồng chông ».

Giờ rét

Ngoài những câu thơ đó ta lại
thấy nhiều câu khác vừa non
nớt, vừa ẻo-lả.

Đọc hai câu này :

« Sông Thương cách mấy tiên đò
« Chợ Hoàng học đến bao giờ mới
lan ? »

Vu quy

Ta không khỏi nhớ đến hai
câu của thi sĩ Tân Đà đề trong
«Truyện thế gian»:

«Sông sâu nước đục lơ lơ,
«Ông về bên ấy, bao giờ ông
lại sang?»

Phải chăng khi viết hai câu
trên, ông Nguyễn Bính đã nhớ
tới hai câu dưới ?

Đọc toàn tập, ta thấy thi-sĩ
Nguyễn Bính có một tâm hồn
rất ủy-mỵ. Thi-sĩ đã thất vọng
vì tình. Thi sĩ làm thơ kêu gọi
những kỷ-niệm xa xăm của
những ngày ân ái cũ, cái đó
không đáng trách.

Nhưng điều đáng công kích
hơn hết là vì tình duyên lỗi
hẹn mà thi sĩ khóc ràn rĩ ngày
đêm như một đứa trẻ lên ba
nổi cơn bải-l

«Thường thì em khóc về đêm,
«Bảo rằng đừng nữa khổn
quen nết rồi.

«Nin làm sao được, chị ơi!

«Tính ra mười mấy tháng giờ
em xa.

Không phải thi-sĩ đã khóc
một, hay vài buổi nhưng đã
khóc hàng tháng như lời thú
tội của thi-sĩ:

«Khi nào chị có qua thăm,

«Cho em lần nữa chiếc khăn
lụa hồng,

«Cầm cho hai tháng là cùng

«Khóc như em, mấy khăn
hồng chẳng phai»

Thư cho chị

Trông thấy một người đàn bà
hay một con trẻ khóc, chúng ta
có khi còn động lòng trắc ẩn mà
lựa lời thăm hỏi. Nhưng thấy
một người đàn ông ngồi khóc
chúng ta không những không
thèm hỏi, mà lại khinh là đáng
khóc; vì đã nên trang niên-thiếu
thì rên-rỉ là hèn nhát, khóc than
là yếu ớt, là ủy-mỵ, và van lơn
cầu khẩn là ti-tiện, dè hèn.

Cảm tưởng của độc-giả thế
nào khi độc-giả thấy thi-sĩ
Nguyễn Bính chỉ vì một cơ nhỏ-
nhen mà khóc hoài:

«Từ đây buổi tôi không có hoa

«Khóc lên nhật ký, khóc cho

«Giờ còn bắt sống còn mang

«Chả chết cho thành một đám

ma.»

Những trang nhật ký

Thi-sĩ còn thêm khóc nữa và
đã chán nản cuộc đời vì . . .

trời ơi, «cao-thượng» thay, chỉ
vì không lấy được người yên:

«Cho tôi được khóc vì tôi thấy

«Tôi đã tan - hoang cả kiếp
người»

Cho tôi được khóc

Và thi-sĩ đã chán-nản một
cách đại dột:

«Lúc tôi để bạc cho già

«Đời tôi để rụng cho là đời
tôi!»

Tôi còn nhớ lắm

Sau khi đọc

Đọc xong tập thơ, tôi còn nhớ

bốn câu thơ thi-sĩ Nguyễn Bính
đã tự hỏi trong bài «những trang
nhật ký»:

«Nhật ký nhòa đi mất cả rồi.

«Chỉ còn vết mực ố hoen thôi!

«Biết rằng nên xé hay nên đốt

«Hay để mà thương đến mãi
đời?»

Ông Nguyễn Bính chớ nên do
dự! Tôi xin nói thẳng thắn rằng
tôi không thù ghét gì ông, mặc
dầu trong tập thơ ông có ít lời
bay bướm, nhưng với trạng thái
tinh thần của ông mà tôi vừa sơ
phác trên đây, với những câu
thơ «khóc» của ông, thì cả tập
thơ «Hương cố nhân» ông nên
xé đi ngay lập tức và nên đốt
ngay đi cho nó mất tích một
tâm hồn ốm yếu như nhược đến
cả những người cầm bút và hại
đến cả thanh danh của toàn thể
thanh-niên Nam-việt!

Ông nghĩ sao nếu một người
ngoại quốc đọc đến tập thơ ông
mà thấy ông chỉ vì có một cơ
nhỏ nhen là không lấy được
người yên mà than, mà khóc,
mà phá hủy đời niên-thiếu, thì
họ sẽ phê-bình và phỉ-nhò thanh-
niên chúng ta ra sao?

Tôi vẫn biết, trong những giờ
phút chán nản, tình yêu cần để
ấp-ủ lòng người, nhưng tình yêu
không phải là lẽ sống duy nhất ở
đời. Ngoài tình yêu, chúng ta
còn có gia-đình, còn có xã hội,
còn có non sông đất nước đã
hùn đúc nên ta.

Sống giữa lúc bom đạn nổ inh
tai, lửa chiến tranh bùng cháy
khắp mọi nơi, các thanh niên
thế giới đang đua nhau hy sinh
cho lý tưởng, đua nhau xả thân
vì tổ quốc, vui lòng nhắm mắt
bên bờ nghĩa vụ, thì ở nước
Nam nhà, một thanh niên làm
thơ khóc lóc vì tình duyên trắc-
trở và muốn hủy-hoại thân-thể
mình, phải chăng đó là một điều
đáng buồn cho tương-lai đất
nước?

Hỡi các thi-nhân!

Tôi vẫn biết người là con cưng
của Tạo-hóa, người có tâm-hồn
đa cảm sớm biết rung-động trước
vẻ đẹp của ngày hè tươi-sáng,
hay sớm biết gầy những «sợi tơ
lòng» trước cảnh chiều đông,
mưa phùn, gió rét.

Trước làn sóng rung-rinh của
những nhánh lộc liễu rủ trên
gương hồ biếc, không ai ngăn thi
nhân dừng ngâm vịnh mà không
«gọi gió, gọi thông lên tiếng
họa».

Trước những nỗi đau-thương
thê-thảm của đời, ai cấm thi-
nhân không được,

«Trăm ngàn năm này mãi sợi

tơ lòng

«Ca những khúc sầu vui, tình

thiên-hạ»

Thế Lữ: Mấy vần thơ

Vì quả như lời thi-sĩ Musset
đã nói trong bài thơ «La nuit

de Mai»:

«Les plus désespérés sont les

chants les plus beaux

«Et j'en sais d'immortels qui sont

de purs sanglots»

mà thi-sĩ Nguyễn-Giang đã dịch

gần được sát ý trong «Danh văn

Âu Mỹ»:

«Ván thanh cầm tú trong đời

«Những câu tuyệt diệu ấy lời xót-

xa!»

Hỡi các thi-nhân, người hãy
nhận chân cái nhiệm-vụ của thi-
nhân!

Người đừng đem cái thất-vọng
vô căn-cứ làm tê liệt những hi-
vọng của đất nước. Người đừng
ca tụng những thú vui nhục dục
mê hồn mà chôn vùi nguồn sinh-
lực của giống - nòi.

Người hãy gieo - rắc bằng
những vần điệu huyền ảo vào
trong mọi người cái thú say-sưa
của một cuộc đắc-thắng mãnh-
liệt giữa những cám-dỗ dè-hèn
của đời vật-chất với những bồn-
phận thiêng - liêng làm người
làm dân trong những giờ phút
phục hưng này của gia-đình, của
đất nước.

Người hãy là những đạo - sĩ

(être des mages) như điều mong-

ước của nhà đại-thi-hào Victor

Hugo mà tìm một con đường

sáng cho người đồng chủng.

PHẠM MẠNH-PHÂN

Tùy hứng

THI-NHÂN VỚI LÝ-TƯỞNG

*Kính tặng hương-hồn những thi-sĩ
đã phung - phí đời trong trug-lạc
vì xả thân đi tìm thi - hứng lạ.*

MINH-TUYỀN

Ấy ai lặn ngụp nơi ô-uế,
Mải miết đi mò kiếm ngọc châu ?
Ấy hỡi lão-đảo nhà thi-sĩ
Lượm hứng siêu-phàm đáy vực sâu.

Chàng đã giấn thân trong bể ái
Nhuốc-nhờ, đen xạm quá tanh-hôi,
Nhắm mắt, vắng minh, ôm nước xoáy,
Mặc giòng vắn đục cuốn cùng lời.

Ôi, phút đầu tiên ! Bao mát mẻ ?
Mát da, mát thịt, mát thần-kinh,
Mát thấu cùng xương, vào não tủy,
Mát sôi-nổi nóng cõi tâm-tĩnh.

Đầu lười tê-tê bao khoái lạc,
Chứa chan mỹ-vị món yêu đương,
Trộn lẫn chua, cay, bùi, mặn, chát !
Xôn-xao rạo-rực khoảng tâm trường

Toàn thân tỏa bốc mùi thơm ngát.
Mùi thuốc mê hồn, bạt phách xiêu !
Tân bay phần trí, rung phần xác
Theo nhịp hương đưa tựa sóng chiều

Muôn điệu du-dương trong tiếng thở,
Trong rên rỉ sướng, giọng con tim,
Trong máu dập dồn, trong ngực nở.
Diễn say-sưa khúc, nhạc êm đêm.

Khi mắt lơ-dờ, khi sáng quắc,
Khi đường gân uốn nét mỹ công,
Sắc trắng, đứng đầu trong vạn sắc :
Sắc hun lửa muốn, nấu sôi lòng.

Hồn xoay theo điệu cuồng phong xoáy,
Thi-sĩ chìm sâu đáy bể tình,
Nhưng dấu mê-mạn hay ngắc-ngoải,
Vẫn ôm lý-tưởng đặt trên mình.

Lý-tưởng : dễ khơi nguồn tuyệt-mỹ
Trong ghê tởm xấu khiếp muôn đời,

Cổ tìm ánh sáng, tia chân-lý,
Trong tối sâu-xa khắp gậm trời.

Lý-tưởng : phát minh thi-hứng lạ
Chốn không thi hứng của thời qua,
Hòa nhạc mộng-mênh trong vũ-trụ
Với âm-y nhạc đáy tâm ta.

Thơ với nhạc như hồn với xác.
Muôn hình, thơ biến với thời-gian.
Vạn trạng đổi thay trong điệu nhạc
Diễn trưng thi-thế hợp hoàn-toàn :

Điệu gắt gay, dập dồn, trúc trác,
Hoặc chậm, nhanh, uể-oải, dạt dào,
Điệu cộc-lốc, du-dương, réo-rắt,
Hoặc êm-đềm, mạnh-mẽ, lao-đào ,

Khắc vẽ tinh-vị bao cảm-giác
Của ngũ quan va-chạm vật ngoài,
Bao sóng lan tràn trong ý-thức,
Thơ là nghệ-thuật với muôn đời.

Ái muốn đánh đai vòng vũ-trụ,
Đánh đai khối óc của loài người,
Ngờ lẽ hủy-tiêu cùng liến-hóa,
Hãy bày khuôn phép nặn thơ chơi

Mang hiệu vô-song hay tuyệt-đối,
Ước mong thiên-hạ ép mình theo,
Làm thang quý-giá cho danh lợi
Vinh-viến đời đời giữa tiếng reo !

Thơ tựa hai vô-cùng nhón, nhỏ,
Mở ra, bao-quát cả doanh-hoàn,
Thu vào, rút gọn trong nguyên-tử,
Biến dạng khôn lường chốn thế-gian,

Có khi lỏng-lọng, thâm-trầm quá,
Chỉ để nhà thơ hiểu biết riêng.
Hỡi ! Hỡi ! Ai ơi ! xin chớ lạ :
Phép trời mẫu-nhiệm với thiên-nghĩa,

Chỉ có chân-tu và thiện chủng
Thấu cùng sắc sắc với không không,
Đội ơn Thượng-đế ban ân sủng,
Mới được tổ-tường có mặt trông.

Thí-nhân hướng-dẫn nhà khoa học
Theo đường trực-giác quá huyền-vi,
Bí-hiểm, sao-siêu nơi trí óc
Tới kho tạo-hóa chứa lý-kỳ.

Thơ ấy cầu mây muôn sắc đẹp
Bắc từ cụ-thể tới vô hình,
Ấy thế giới chung cho kẻ chết
Người còn trao đổi chuyện tâm-tinh.

Thơ in dấu-vết, màu thời-đại
Thơ phản hào-quang chiếu giống nôi.
Thơ ném tiếng vang cho hiện-tại,
Xa nhìn tấn bộ của tương-lai.

Bay bổng nhưng không quên sự thực,
Không đi ngược bản tính loài người,
Thơ vận điện, tung luồng dẫn-lực
Tới hòa-bình nhân-loại đời-đời.

Thơ khóc máu người, thơ ủ-rũ,
Xương to lý-tưởng giữa từng không,
Lý-tưởng : «Đi chinh phục vũ-trụ
Mở cùng Tạo hóa cuộc tranh-hùng» ;

Lý-tưởng ngàn năm phù hợp với
Tinh-thần vật lộn, chí đề đầu,
Và sở-thích bay cao, phóng-đại,
Gỡ nạn nhân-quần sát hại nhau ;

Lý tưởng loài người muốn thế hệ
Vỗ cánh thời-gian tiến chẳng ngừng,
Mở kho huyền diệu khoa thần bí,
Trên đường khoa-học sáng tung-bùng ;

Mẹ đẻ ra cá-nhân lý tưởng
Lấy trăm năm, trí lực, chân tài,
Văn minh trình độ làm cân lượng,
Không vọt lên cao quá hạn trời.

Vũ-trụ là vô cùng vĩ-đại,
Là không nguồn ngọn với đuôi đầu,
Là trường hoạt-động cho nhân-loại
Đích đáng hơn bao trái địa cầu.

Ôi Lý-tưởng mộng-mệnh, trót-vốt !
Nàng bay trên giấy, lượn-lờ, xoay...
Nàng từ đâu lại lượn qua ô ?
Rồi thẳng đường trời tiến tiến bay...

Nàng ngây thơ quá ! Nàng kiều-diễm
Như tơ vàng mỏng ánh bình-minh
Mơn trốn sóng xanh ngoài mặt biển,
Vuốt ve ngọc nhũ gái đồng trinh.

Ngán nỗi ! nhà thơ ta mộng tưởng
Được ôm nàng trọn kiếp trong lòng,
Được cùng nàng suốt đời sung sướng,
Khi với nàng thề với núi sông,

Thề quyết yêu nàng bằng máu nóng
Của ông cha, đất nước, trời cao,
Phó mặc chơ nàng cầm vận sống,
Du hồn thơ mộng với trăng sao,

Thề chẳng rời nàng trong khoảnh khắc,
Để nàng làm hướng-đạo, phương châm,
Để nàng khuyên giải khi buồn bực,
Nàng chống nàng cho bước lở-lầm

Nhưng nàng là quỷ, ma, yêu quái
Hiện xuống trần gian để ghẹo người.
Ai đã mê man nàng đắm-đuối
Mà không mang hận xuống tuyền đài ?

Nhà thơ đã được nàng ban tặng
Bao phút mê-lý đảo lộn trời
Và bao khoái lạc, bao tình nặng,
Khi mới yêu nàng, má ướp môi.

Sau phút ái ân đắm thắm ấy
Là phút đầu tiên, phút thần tiên,
Nàng giựt tay ra, nàng trốn chạy,
Mặc nhà thơ gọi với, kêu, rên,

Ra công theo đuổi không ngừng bước.
Quên bằng ngày giờ lẫn bản thân,
Lắm lúc bay cao, từng mây vượt,
Có khi lẩn-lộn giữa bùn phận.

Ôi, Lý tưởng muôn phần ác nghiệt
Đi chẳng cho ai đuổi kịp cùng
Thi-sĩ của ta đã... đã chết,
Đã chết vì nàng có biết không ?

Trong chốn âm-u, sâu thẳm lạ,
Chứa-chan táng-đờm với kinh-hồn,
Tối-tăm, quạnh-quẽ, tiêu-diệu quá,
Xú khí xông ra lớp lớp đồn,

Thịt, xương, cân, não nhà thi sĩ
Tan biến thành thơ tản bốn phương,
Thành hương thơm ngát, lâng-lâng nhẹ,
Lên vút trời cao, hóa ánh dương ...

MINH-TUYỀN

Vài cái liệt điểm...

(Tiếp theo trang 4)

nguyên thư, với xuất xứ, với người có dính líu đến bài mình. — Theo chỗ tôi đã nhận xét thì, ở xứ ta, phần đông nhà văn rất thiếu cái đức khiêm tốn. Họ tưởng họ là ông «thánh sống», hoặc ông «tướng con». Họ nhìn thấy rất rõ một cái rác ở mắt bạn đồng nghiệp, nhưng họ bỏ qua, không muốn thấy cái đà ở trước mắt mình. Họ không chịu phục một cái gì mặc dầu cái ấy là thiện.

Trong một bài văn hoặc cuốn sách họ viết, họ thường hay xen vào cả từ bản ngã cho đến mê-tin. Một khi những cổ rác ấy bị ai tĩa sạch, họ liền lớn tiếng la ó : «Sao lại bỏ đi của tôi?» Họ quên rằng, trong một đoàn-thể nào cũng vậy, cần phải có cái đức tình phục tòng lễ phải thì mọi việc mới tiến hành được.

Nói đến cái «đức» không trung thực, thì nhiều nhà văn ta chắc

giật được giải quán quân :

Dịch cuốn Tân quốc văn của Tàu, người ta lầm chữ «ngưu» ở bài thứ 23, trong quyển nhì, trang 23 là «con trâu». Thực ra, «ngưu» là con bò chứ không phải con trâu. Họ làm cách gian dối là bỏ dứt câu «kỳ nhũ khả ẩm» đi cho mất tang mất tích, cho khỏi lòi cái dốt của mình. Cứ một việc đó làm lệ, còn những trường hợp tương tự như thế không sao nói xiết.

Họ lấy tài-liệu của người khác nhưng họ không thêm nói lấy một lời là xuất xứ ở đâu !

Tệ hơn nữa là phỏng theo một truyện của người ta, thế mà họ lại dám công nhiên đề là sáng tác !

Còn thường thường họ vẫn có cái chứng ăn không hay ăn chặn tư tưởng của người khác mà trong bài họ không buồn nói đến tên người đã giúp họ hoặc về tài-liệu, hoặc là cộng-tác !

Kề tới đây đã được đến bảy cái

liệt điểm của một số nhà văn rồi, tôi không muốn nói nhiều nữa vì số bảy, theo Kinh-thánh, là số hoàn-toàn. Nhưng trước khi dừng bút tôi cần phải nói thêm một hạng nhà văn đề-tiện hơn nữa : hạng lấy cấp văn.

Chứng có : Hồi năm 1936 tôi có viết giúp cho tờ «Thế giới» ở Nam-kỳ. Tôi có gửi vào 1 bài đề là «Lê Quý-Đôn với bộ Văn đài loại ngữ». Sau đó, chừng năm 1939, tôi thấy bài ấy của tôi bị người ta lấy cấp mà đăng lên tờ báo «Mai». Nhưng lạ hơn nữa là : dưới ký la Đ. C. Thế là Đ. C. đã phạm tội lấy cấp văn tôi đó.

Những liệt-diểm tôi giải tỏ trên đây chỉ là một tờ kê-khai chứng bịnh. Nếu ai đã mắc thì nên chạy chạy thuốc chữa trị ngay đi. Không kể rõ bịnh ? Biết đâu mà sửa chữa được.

HOA-BẮNG

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng-tử. — Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển : 1p 00

Mấy thầy tu huyền bí. — Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh cực hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển : 1p 10

Gửi mandat thêm cước phí
Op 55

M. Đoàn-Trung-Còn

143 Rue Louvain Saigon

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là Op 30. Không gửi tiền hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 3 của CHU-THIÊN

PHAN phu-nhân với Tiểu-Lan đến chùa Giác - ngộ, gặp Chân-Giác thiền-sư, hai bên nhận nhau, mừng mừng, tủi tủi, nói chẳng cạn lời. Chân-Giác thiền-sư nguyên là đôi con di với phu - nhân, người vốn có tài học. Nhưng vì bất đắc chí, nên bỏ nhà đi tu từ năm mười tám tuổi, đến nay đã được ngoài bốn mươi năm rồi. Mỗi tiêu-dao nơi cửa Phật, Chân-Giác thiền-sư không hay về thăm quê nhà, nên đã lâu lắm không được gặp phu-nhân.

Ngày nay nhân tai - biến, phu-nhân mới lặn ngòi nơi nước đến đây. Chân - Giác được gặp chị, trong lòng rất đổi mừng-rỡ, sai dọn riêng một trai-phòng để phu-nhân ở với Tiểu-Lan, lại sai người hầu-hạ tháng ngày rất ân-cần. Chân-Giác còn xin đảm-nhận cả lấy công-việc đi dò thăm tin-tức Phan thượng-thư ở nơi kinh-đô ra sao để báo cho phu - nhân biết. Phu-nhân riêng mừng được nơi yên thân trong cơn nguy-khổ và thăm cảm-tạ Giác, Phật đã ban ân lớn cho mình.

Nhưng có ngờ đâu, có ngờ đâu, chính ở ngay nơi chùa Giác-ngộ ấy lại xảy ra tai-biến bất kỳ, không sao lường trước được. Phu - nhân và Tiểu - Lan ở đây yên - tĩnh được tám tháng rồi, tám tháng tuy phẳng lặng buồn-tẻ, nhưng không có điều gì quá trái ý thường. Chỉ thỉnh-thoảng có xảy ra việc cãi-cọ soàng giữa con Tiểu-Lan và một tên tiểu ở trong chùa thường hay chòng ghẹo nó.

Tên tiểu ấy pháp-danh là Chân-Giới, mới ngoài hai mươi tuổi, vốn có tính hung - ác. Ngày thường Chân - Giác thiền - sư đã răn bảo

nhiều, nhưng hân vẫn ít sửa đổi gì được. Đã có lần, thiền - sư toan đuổi, sau vì hân kêu van xin ở lại rất là thảm thiết, Chân-Giác không nỡ, bèn dung cho hân, mong có ngày đem đạo từ - bi mà cải hoá được lòng hân chẳng.

Nhưng lòng mong mỏi của thiền-sư đã không đạt ! Tên tiểu Chân-Giới ở chùa chẳng sửa-chữa tính-nết tí nào, lại còn gây ra tội ác, sau này làm liên-lụy đến cả Chân-Giác thiền-sư nữa.

Vốn lòng hiếu sắc, nên từ khi Phan phu-nhân đến ở chùa, Chân-Giới thấy Tiểu - Lan có nhan-sắc, trong lòng thầm yêu vụng mến, đã hai ba lần buông lời xa-xôi ướm ý, đều bị Tiểu - Lan cự - tuyệt trách mắng, thành ra mấy bận cãi nhau soàng, thiền - sư phải quở mắng mới thôi. Vả lại, Tiểu-Lan càng tỏ ra đáng nghiêm trang đứng - đắn, hân lại càng không dám suồng - sã nữa.

Giòng - già mấy tháng giờ, hân vẫn để ý dò xét tung-tích phu-nhân cùng Tiểu - Lan.

Sau hân biết rõ phu-nhân là vợ một quan Thượng-thư bị tội rồi, hân mới lập sẵn mưu thâm trong bụng, rắp tâm thí-hành để chiếm lấy con người đẹp, nếu còn trái ý hân.

Rồi một buổi sáng, Tiểu - Lan vắng mệnh phu-nhân sai ra vườn hái hoa về lễ Phật. Giới vừa mới sáng. Sương mai còn ướt ở những đầu lá. Xóm làng chưa mấy người dậy và trong chùa phu - nhân và thiền - sư, mỗi người một phòng riêng, hân còn ngủ cả. Tiểu - Lan đương vịn cành bẻ hoa, chợt chú tiểu Chân-Giới ở đâu đi đến, giữa

bầu giờ im-lặng và trong-trẻo của buổi sáng, lại thêm trầm hương xông lên thơm phức, trong khung cảnh ấy, kèm một giai-nhân linh-hoạt, thì những hạng người ham sắc cảm lòng sao đang ! Lúc ấy, Chân - Giới đã ngây - ngất vì tình không thể đề nén được nữa, bèn chạy lại gần Tiểu-Lan, miệng cười lơ-lả mà rằng :

— Tiểu - Lan nàng ơi ! Từ khi nàng theo phu - nhân đến ở đây, chẳng hay duyên kiếp làm sao, khiến cho lòng tiểu-tăng đêm mơ ngày tưởng, bấy lâu trộm nhớ thầm yêu đã chồn, nay gặp nhau đây, âu cũng là duyên giờ dun-dủi xui nên vậy. Dám mong đài gương kia soi đến đầu bèo này, cho tiểu-tăng được thỏa lòng khao-khát...

Nói chưa dứt lời, Tiểu-Lan đã đỏ mặt tía tai, nổi giận đùng-đùng, mắng át đi rằng :

— Quân đồ - giả ! đồ ác - tăng ! đem thân nương dưới bóng Phật, mà còn ăn ở ra lòng dâm ác gian-tà, làm ô-nết cả cửa Từ-bi ! Ta đây, dầu phạm tội-đời, nhưng lòng trinh-bạch, quyết không bao giờ chịu để cho mày ô-nhục.

Tiểu-Lan vừa nói vừa vùng-vằng toan chạy, thì Chân-Giới đã giơ tay cản lại và nói một cách rất ngọt-ngào rằng :

— Tiểu-Lan nàng ơi ! Xin nàng chớ nên nóng-nảy làm vậy. Hay tạm ngồi con giận mà đứng lại cho tiểu-tăng được giải tẩm lòng thành. Hôm nay tiểu-tăng cũng tự biết là khi đương - đột số - sạng, nhưng vì lòng khao-khát bấy lâu, nên nay nhân được buổi vắng người, vội lên ra đây, muốn cùng nàng tỏ chút tình riêng, xin nàng cũng vì tình mà rủ lòng yêu đến. Tiểu-tăng với nàng cũng xứng lứa vừa đôi, giai tài, gái sắc, xuân đang vừa thì, đôi ta dầu chưa núi chỉ non thề, nhưng ở đây không hẹn mà nên, biết đâu chả phải là tiền duyên, túc trái l...

Tiểu-Lan nghe nói cả giận, mắng to lên rằng :

— Đồ súc-sinh vô lễ ! Giả tiếng tự-hành, làm điều dâm-ác, ngày

hay lại chực nhục ta, ta thà liều chết còn hơn bị mày phũ-phàng động đến...

Vừa nói, Tiểu-Lan vừa lấy tay gạt mạnh tên tiểu Chân-Giới ra mà chạy một mạch về chùa.

Nàng về đến chùa, hãy còn bầm-bầm tức giận... Phu-nhân vừa thức dậy, lấy làm lạ hỏi :

— Con làm sao vậy ?

Tiểu-Lan tức-tối thưa :

— Bẩm phu-nhân, con vâng lời phu-nhân, dậy sớm ra hái hoa, bị tên ác-tiểu Chân-Giới theo ra vườn chòng ghẹo, buông những nhời vô-lễ, lại toan nài ép mây mưa, con hãy được nó ra mà chạy về đây !

— Chắc con sỉ-nhục nó nhiều lắm !

— Bẩm phu-nhân, vâng, trong cơn tức-giận, con sỉ mắng nó để tìm đường tháo thân !

Phu-nhân nghe nói, ngồi im lặng một lúc ngẫm-ngĩ, rồi cau mày thở dài mà nói rằng :

— Tiểu-Lan con ạ, tấm lòng đoan-chính của con thực là đáng khen lắm. Nhưng ta e rằng vì chuyện này mà sinh ra lắm điều phiền lụy cho ta. Đại-sư đây cũng vẫn thường nói cho ta biết Chân - Giới là đứa tiểu-nhân, quen làm sự hung - ác, hay đề tâm thù oán. Mấy lần trước nó chỉ mới nói xa - xôi đều đã bị đại-sư quở ngăn đi, nó không dám làm gì nữa. Nay đột nhiên nó chêu con sỗ-sàng như vậy, chắc là có dụng-ý đấy. Thế mà lại bị con mắng nhiếc tàn tệ, tất trong lòng nó đâm ra xấu hổ và mang oán, chắc đâu nó chẳng nghĩ kế giết thù mà trừ mưu hãm hại ta. Ấu là ta phải kịp từ biệt đại-sư mà dời đi nơi khác cho yên chuyện, tránh voi chẳng xấu mặt nào con ạ !

Tiểu Lan nghe nói, bèn khóc nước-nở lên mà rằng :

— Bẩm phu-nhân, nếu vậy, ra chỉ vì kẻ tiện-tì này mà để lụy đến phu-nhân. Trong lúc hoạn-nạn lưu-lạc quê người, lại gây nổi thù-oán : kẻ tiện-tì thực đáng tội chết ! Phu-nhân ơi ! con xin một thác cho rồi, sống mà làm chi nữa, lụy mình lại lụy cả đến phu nhân, làm thân trâu ngựa phải biết đền nghĩ trúc mai,

Thôi, con cũng chẳng tiếc chi đời ! Phu-nhân liền vội ôm lấy Tiểu-Lan vào lòng mà yên-đi rằng :

— Tiểu-Lan con ơi ! Con không nên nóng-nảy như vậy, lòng con ngay thẳng tận - tụy, thấu đến cả Giới. Chẳng qua vì mệnh vận nhà ta, nên con phải tủi thân chịu nhục, Ngày nay Liên-Tương chết đi rồi, con với ta theo nhau trong lúc hoạn nạn, tình thân thực hơn máu tủy. Con nỡ nào liều thân hoại thể mà bỏ ta bơ-vơ lại một mình hay sao ! Bấy nay ta được con quấn - quít bên cạnh mà cũng tạm khuây-khỏa nỗi lòng. Con ơi ! mẹ nói thế, nghĩa là muốn bàn ta nên kịp dời bỏ chốn này, kéo khi sóng gió bất kỳ, đại-sư cũng khó lòng mà chu toàn che chở cho mẹ con ta được !

Tiểu-Lan khóc, nói :

— Đã hay rằng vậy, nhưng nay bốn bề không nhà, phu-nhân định đi đâu, đi đâu cũng là chỗ nguy-nạn biết nơi nào là chắc chắn mà gửi thân cho được !...

Phu-nhân gương cười nói :

— Thôi, con ạ ta cũng liền nhắm mắt đưa chân, ở đây nguy - hiểm, ta phải liệu trước chứ, không nên để lụy mình lại lụy cả đến đại - sư. Trăm sự nhờ Giới cả. Giới Phật đã thương tình mà phù hộ mẹ con ta, thì thế nào ta cũng lại gặp được nơi tử-tế, lo gì, miễn là lòng ta thành là được con ạ !

Tiểu-Lan được yên lòng nói :

— Thưa phu-nhân nghĩ thế cũng phải ; nhưng trước hết phu - nhân phải nói với đại-sư xem ý kiến đại sư thế nào ? Phu-nhân đã hỏi đại-sư chưa ?

— Ấy ta định trốn đi, thì không nên cho đại-sư biết, đại sư biết, người sẽ giữ lại không cho mẹ con ta đi nữa.

— Thưa phu-nhân, con thì con nghĩ khác, phu-nhân và con đã nương tựa cửa Phật đây bấy tám tháng giờ, nhờ độ lượng của đại sư nhiều lắm. Nay thốt nhiên đi, không nói cho đại-sư biết tức là ơn sâu chưa báo, mà đã để cho người phải áy-náy trong lòng. Chi bằng phu-nhân cứ nói thực nỗi nguy-nạn với đại-sư, rồi xin cho dời đi

nơi khác để tránh phiền - lụy cho nhà chùa. Như thế đại-sư vừa được yên lòng và biết đâu người lại chẳng tìm được nơi yên ấm cho phu-nhân nương náu qua thì ?

Phu-nhân cười nói !

— Con cao-kiến hơn ta thật ! Vậy con đi mời đại-sư lại đây để ta thưa chuyện.

Tiểu-Lan liền chạy đi tìm Chân-Giác thiền sư. Nhưng người đi vắng. Tiểu-Lan đành trở về thưa lại với phu-nhân. Rồi hai mẹ con cùng bàn định công việc sắp làm. Chỉ đã định, mưu đã sẵn, phu-nhân chỉ còn đợi Chân-Giác thiền-sư về nữa là bắt đầu vào việc ngay.

Chiều tối, Chân - Giác thiền - sư đi chơi về, được tin Phu-nhân tìm, liền lại ngay phòng trai-phòng, Phu-nhân đem ý định nói cho thiền sư biết. Thiền-sư gạt đi mà rằng :

— Không việc gì phải thế.. Xin bà chị cứ ở đây. Bần-tăng không sợ gì cả. Bần-tăng có đủ phương-kế để hộ vệ cho bà chị được an toàn.

Phu-nhân đáp :

— Đã hay thế. Nhưng cứ ở đây tôi sợ hai đứa trẻ người, chúng nó chòng ghẹo nhau, rồi sinh tơ chuyện chứ tiểu xấu hổ lại đi bôi mọc ra, tội-vạ cả đến nhà chùa nữa...

Thiền-sư vội ngắt lời :

— Điều ấy không lo. Bà chị cứ yên tâm. Bần-tăng xin đe nẹt nó dần dần. Nếu cùng nó không nghe, bần-tăng đuổi nó đi là xong chuyện.

— Ấy đuổi nó đi mới nguy chứ. Nó đi tố-cáo với quan trên, mọi việc sẽ vỡ lở...

— Nó biết thế nào được. Đã đuổi nó thì phải đủ bằng-chứng, mọi việc nó bôi ra sau này đều cho là vì thù riêng cả. Ta không sợ, lý ta đủ kia mà !

— Lý thì vẫn như thế. Nhưng trong bụng tôi vẫn nơm - nớp thế nào ấy. Sáng sớm hôm nay, con Tiểu-Lan ra hái hoa để cúng Phật, chú Chân Giới ra chòng ghẹo nó, nó tức mình sỉ vả thậm tệ, chú ấy hồ thẹn dọa nạt sẽ báo thù. Tôi sợ chú ấy gây ra to chuyện thì khôn !

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THU-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2\$00

Son auleur, Văn-Hạc, est connu pour son esprit critique, aussi ce recueil abonde-t-il de détails, d'anecdotes, de notes et de commentaires variés ... (L'OPINION n. 3.560 du 12-6-42)

ĐANG IN

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Đã được cụ Nguyễn văn-Đỗ và nhiều báo chí Pháp Nam ngợi khen

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa luân lý triết học Đông Tây
Đặt sách, mua sách do nơi LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC
THU-XÃ 16 bis TienTsin HANOI

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM**Trịnh - Như - Tấu :**

- 1 - Hưng yên địa chí Op.80
- 2 - Bắc giang địa chí 1.50
- 3 - Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây
thư quán
195 Phố Hàng Bông - Hanoi

Các bạn
cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ
gửi tiền về trả cho, đa tạ. Tri - Tân

SẮP IN XONG**CHỮ NHỎ HỌC LẬY**

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản
Mỗi quyển giá 1p00 cước 0p18 -

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

Ô mai Tiễn Lợi

ngon lành

Và lơ Tiễn Lợi

nổi danh ở đời

Bốn trăm linh bảy

Bách-mai. Hỏi thăm cho

đến tận nơi mua dùng

HÀNG MAY ÁO ĐI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ
bền, không thấm nước, ra nắng
to, vào nước sôi cũng ết sảng
đều không chầy, không bao giờ
dính quần áo.

Có đủ các màu - Giá rất rẻ
do ETABLISSEMENT B T M chế tạo

Cần đại lý khắp mọi nơi

Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng
cùng M. BUI-TÙNG-MẬU.

N. 36, Rue du Charbon Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Administrateur Gérant; Dương Tu-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi